

# KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

## QUYỂN TRUNG

- 1- Môn khen thọ giới.
- 2- Môn chỉ rõ lỗi, khuyên giữ giới.
- 3- Môn nói về giữ giới.
- 4- Môn ý nghĩa thọ giới.
- 5- Môn nói về lợi ích thọ giới.
- 6- Môn chánh thọ.
- 7- Môn thọ giới được lợi ích.
- 8- Môn thọ mười giới lành.
- 9- Môn khen nhần hộ giới.
- 10- Môn năm giới của người tại gia.
- 11- Môn cúng dường.
- 12- Môn cúng dường được lợi ích.
- 13- Môn trị chướng.
- 14- Môn hơn, kém.
- 15- Môn bạn lành.
- 16- Môn tạp hạnh.
- 17- Môn tánh tốt của phụ nữ.

**1- Thư Nhất Môn khen thọ giới:** Luận Trí Độ quyển 13 chép: “Nếu vì thương xót chúng sinh, vì cứu độ chúng sinh, cũng vì biết thật tướng của giới, nên tâm không nương tựa, chấp mắc giữ giới như thế, tương lai, sẽ khiến cho con người được đến với đạo Phật”.

Như thế, gọi là được giới vô thượng của đạo Phật. Nếu có người mong cầu lợi lành lớn, thì phải giữ chắc giới, như tiếc vật báu quý trọng, như bảo vệ thân mạng mình. Vì sao? Ví như mặt đất, tất cả loài hữu tình, muôn vật đều nương tựa trên đất mà ở. Giới cũng như vậy, giới là trụ xứ của tất cả pháp lành. Ví như không có chân mà muốn đi, không có cánh mà muốn bay; không có thuyền mà vượt qua sông, là việc không thể được. Nếu không giữ giới, mà muốn được quả tốt đẹp, cũng giống

như thế.

Nếu người nào xả bỏ giới này thì cho dù ở núi, tu khổ hạnh, ăn quả, uống nước, người ấy không khác gì cầm thú. Người dù nghèo khổ khốn cùng, mà giữ được giới, thì sẽ vượt trội hơn kẻ giàu sang; còn người phá giới, hương hoa, hương gỗ không thể nghe xa. Hương giữ giới bay khắp mười phương, người giữ giới, yên vui đầy đủ, danh tiếng đồn xa, trời, người yêu kính, hiện đời thường được mọi thứ vui sướng.

Nếu muốn được giàu sang sống lâu trên trời, trong người nhận lấy hiệu quả đó không khó, miễn là phải giữ giới thanh tịnh, thị mọi nguyện vọng đều được thỏa mãn.

Lại nữa, người giữ giới, thường được người đời nay cung kính, phụng thờ; tâm vui, không ăn năn; áo, cơm không thiếu; chết sẽ được sinh lên cõi trời; về sau sẽ được đạo Phật. Người giữ giới, không có việc gì không được; còn kẻ phá giới, tất cả đều mất. Ví như có người thường cúng dường trời. Người ấy nghèo cùng, nhất tâm cúng dường, đủ mười hai năm, để cầu được giàu sang. Trời thương xót người này, tự hiện thân (nói rộng như thường). Lại nữa, mỗi người giữ giới đã ưa bố thí, không tiếc tài vật, không tu lợi ích cho đời, mà không có thiếu thốn, được sinh lên cõi trời. Trước Phật mười phương, nhập đạo ba thừa mà được giải thoát, chỉ những kẻ tà kiến mà giữ giới ấy, về sau, sẽ không có chi cả. Lại nữa, người giữ giới dù không có binh khí, gậy gộc, nhưng mọi nỗi khổ, không gia hại được, của cải của người giữ giới, không ai có thể chiếm đoạt. Người giữ giới thân gần, dù chết cũng không lìa. Giữ giới trang nghiêm vượt hơn bảy báu, là vì lẽ này. Nên giữ gìn giới, như giữ gìn thân mạng, như yêu của báu quý trọng; kẻ phá giới sẽ chịu khổ muôn mối, như nhắm vào người nghèo, đập vỡ bình, mất vật là vì lẽ này, nên phải giữ tịnh giới.

## **2- Môn chỉ rõ lỗi:**

Lại nữa, người giữ giới quán sát tội của người phá giới, nên xoay lại khích lệ nhất tâm giữ giới. Sao gọi là tội của người phá giới? Người phá giới, mọi người không cung kính. Nhà người ấy như gò mả, không ai đến. Người phá giới, mất hết các công đức. Ví như cây khô, người không yêu thích; kẻ phá giới như sương, đọng trên hoa sen, người không ưa ngắm. Kẻ phá giới, tâm ác như La-sát ác; người phá giới, mọi người không hướng về. Ví như người khát nước, không nhắm đến chỗ giếng khô; kẻ phá giới, tâm thường nghi ngờ, hối tiếc, như người phạm tội, thường sợ tội đến; kẻ phá giới, như ruộng lúa bị giông bão, không thể

nướng tựa, cây trồng; kẻ phá giới ví như trái dưa đắng, dù hình dáng dường như ngọt, mà không ăn được. Như trộm giặc lối xóm, không thể y chỉ, như người bệnh quá nặng, mọi người không muốn gần gũi. Ví như tên giặc hung ác, khó có thể gần gũi. Ví như hầm lửa, người đi phải tránh; như rắn độc không thể xúc chạm. Như biển cả, như thuyền vỡ, như ăn đồ mưa ra; ví như ngựa dữ ở giữa ngựa lành, khác với người lành. Như lửa ở giữa đàn bò. Người phá giới ở trong chúng tinh tấn. Ví như người yếu đuối ở giữa đám trẻ con mạnh khỏe. Kẻ phá giới dù giống như Tỳ-kheo, nhưng ví như thầy chết ở giữa người ngủ. Cho nên hành giả phải nhất tâm giữ chắc giới cấm.

### **3- Môn khuyên giữ giới:**

Luận Trí Độ chép: “Người có thể dùng sức vượt hơn người đều là hai nước thù oán giết chóc; hoặc sấn da thịt ở ruộng, được cứu giúp rộng lớn. Nay, không sát sinh, sẽ được lợi ích gì? Đáp: “Được không sợ hãi, vì yên vui nên không có sợ. Vì ta không hại chúng, nên chúng cũng không hại ta. Vì lẽ này nên không sợ. Người ưa giết, dù cho địa vị tội cùng là vua cõi người, cũng không tự yên ổn. Người giữ giới đi một mình dạo chơi không sợ tai nạn. Lại nữa, người ưa giết, loài có mạng đều không thích nhìn thấy. Nếu không ưa giết thì tất cả chúng sinh đều thích nương dựa. Lại nữa, hành giả suy nghĩ: “Ta tự tiếc mạng, yêu thân, loài vật kia cũng như thế, nào có khác gì với ta? Vì lý do này, thành ra không nên sát sinh”.

Nếu người sát sinh, thì sẽ bị người lành quở trách, kẻ thù ganh ghét, vì nợ mạng người khác, nên thường sợ hãi, vì bị người kia ghét. Khi chết tâm ăn năn, sẽ đọa vào đường ác. Nếu ra khỏi đường dữ, được làm người, thì sẽ phải chịu mạng sống ngắn ngủi, nếu đời sau không có tội, không bị người lành quở trách, kẻ thù ganh ghét, còn tự không thích hợp, hưởng chi cướp đoạt mạng sống người khác. Vì sao? Vì tướng của người lành không nên làm, hưởng chi hai đời có quả báo của tội tệ ác. Lại nữa, sát sinh là tội nặng trong các tội. Vì sao? Vì người giết chết gấp, không tiếc của báu quý trọng, chỉ lấy mạng sống làm trước, ví như người đi buôn ra biển mò châu báu, xuôi ra biển cả, thuyền vỡ, của báu mất, mà vẫn tự chúc mừng. Mọi người ngạc nhiên nói: “Ông bị mất của vật, thân trần truồng được sống còn, sao lại nói là mừng, mất bao nhiêu của báu?” Đáp: “Vì mạng con người là bậc nhất trong tất cả của báu, con người vì mạng nên cầu của báu, chứ không vì của báu nên cầu mạng”.

Do đó, nên Đức Phật nói: “Trong mười nghiệp bất thiện, thì sát sinh đứng đầu. Nếu người dùng mọi cách để tu các phước đức, mà chẳng giữ giới không sát sinh, thì không có lợi ích chi cả. Vì sao? Vì dù được sinh ở chỗ giàu sang, thế lực mạnh mẽ, nhưng không sống lâu, thì lấy ai thọ hưởng thú vui này? Trong các tội, sát sinh là tội nặng nhất, trong các công đức, bất sát là công đức trên hết”. Lại, trong thế gian tiếc mạng sống là tội bậc nhất. Vì sao biết? Vì tất cả người đời thà cam chịu hình phạt bằng mọi cách tra khảo, đánh đập, để bảo vệ mạng sống. Lại, Phật nói có năm thứ đại thí: tức là năm giới. Lại nữa, tặc hành tam-muội từ, phước ấy vô lượng, nước, lửa không hãm hại được, đao, gậy không gây tổn thương được, tất cả sự độc ác, đều không thể trúng, nhờ năm thứ đại thí nên mới được như thế. Lại nữa, sát sinh có mười tội, như Phật nói với Ưu-Bà-tắc Nan-Đề-Ca rằng: “Sát sinh có mười tội, mười tội đó là”:

- 1- Tâm thường nghĩ việc độc ác, đời đời không dứt.
- 2- Chúng sinh ghét bỏ, mắt không thích nhìn.
- 3- Thường nghĩ nhớ tội ác, tư duy việc ác.
- 4- Chúng sinh sợ họ như sợ rắn.
- 5- Lúc ngủ, tâm sợ, khi thức chẳng yên.
- 6- Thường có ác mộng.
- 7- Khi qua đời, điên cuồng, sợ chết.
- 8- Gieo trồng nhân chết yếu.
- 9- Thân hoại, qua đời, đọa vào địa ngục.
- 10- Nếu ra khỏi địa ngục, được làm người, thì thường phải chết yếu.

Hỏi: “Nếu không xâm hại thì tâm sát của ta có thể dứt, nếu bị xâm hại thì sẽ thế nào?”

Đáp: “Tùy theo với lượng nhẹ, nặng. Nếu người giết rồi, trước tự nghĩ lợi của toàn giới là nặng hay lợi của toàn thân là nặng? Phá giới là mất hay mất thân là mất? Nghĩ như thế rồi, biết giữ giới là trọng, toàn thân là khinh. Nếu dù cho khởi toàn thân, thì thân cũng đâu có được, vì thân này gọi là rừng già chết, tất nhiên sẽ phải hư hoại, nếu vì giữ giới mà mất thân thì lợi ấy rất trọng”. Lại nghĩ: “Trước, sau ta cũng mất mạng, vô số đời kiếp chỉ vì tài, lợi, các việc bất thiện. Nay, mới được giữ tịnh giới, nên không tiếc thân này, bỏ mạng, giữ giới, hơn giữ toàn thân cả trăm ngàn muôn lần, không thể ví dụ”.

Tâm định như thế, phải bỏ thân để giữ gìn tịnh giới, như một người Tu-đà-hoàn, sinh vào nhà giết mổ, tuổi đã khôn lớn, cần phải tu nghiệp nhà của mình mà không trái với sát sinh. Cha mẹ trao cho anh ta con

dao và một con dê, giam giữ anh ta trong nhà, rồi bảo rằng: “Nếu không giết dê, thì ta sẽ không cho mày ra khỏi nhà để được nhìn thấy mặt trời, mặt trăng sinh sống, uống ăn”. Người con tự nghĩ: “Nếu ta giết con dê này, thì sau cũng sẽ vì nghiệp này, đâu nên vì thân mà gây nên tội ác lớn này”, hấn bèn dùng dao tự sát.

Cha, mẹ mở cửa ra, thì nhìn thấy con dê đang đứng một bên; còn đứa con đã chết. Khi chết ta liền được sinh lên cõi trời!

Nếu người như thế, là vì không tiếc mạng sống mà giữ gìn tịnh giới.

Như Phật dạy: không cho mà lấy: có mười tội là:

- 1- Chúng sinh tức giận.
- 2- Càng nghi ngờ.
- 3- Hành động phi thời, không trừ tính.
- 4- Kết bạn với người ác, xa lìa bậc Hiền Thánh.
- 5- Phá tướng hiền lành.
- 6- Có tội với quan.
- 7- Cửa vật mất, mát.
- 8- Gieo nghiệp nhân nghèo cùng
- 9- Chết đọa vào địa ngục
- 10- Nếu ra khỏi ngục, làm người siêng năng, khổ nhọc để cầu tài vật.

Năm nhà có chung tà dâm.

Hỏi: “Nếu người chồng không biết, không thấy, không nỡ hại người, thì có tội gì?”

Đáp: “Tình chồng vợ, thân khác mà thể đồng. Đoạt đối tượng yêu kính, phá bốn tâm người khác, đó gọi là giác”.

Lại nữa, tiếng ác tiếng xấu, vì bị người ghét bỏ, ít vui, nhiều sợ, hoặc sợ hình phạt, giết chết. Lại, sợ chồng, người bên cạnh biết được, nên thường có tâm nói dối, bị bậc Thánh quở trách. Lại tự nghĩ: “Vợ ta, vợ người, đồng là người nữ. Trạng thái của tình xương thịt giữa người kia với người này không khác, mà sao ta vì ngang ngược sinh tâm mê hoặc chạy theo ý bất chính? Người tà dâm, đã phá tan niềm tin của đời này, đời sau. Đối chỗ trở về mình, để tự chế phục. Nếu người xâm phạm vợ ta, thì ta sẽ tức giận; nếu ta xâm phạm vợ người, thì người kia cũng không có thái độ nào khác. Tha thứ cho mình tự chế phục, như Đức Phật đã chép: “Người tà dâm, về sau, sẽ đọa vào địa ngục cây gươm, chịu đủ mọi đau khổ. Được ra khỏi ngục, làm người, gia đạo không hòa thuận, thường gặp phải vợ dâm, tà tích, giặc tàn dư, tà dâm là tai họa. Ví như

răn, rít, cũng như lửa lớn, không tránh gặp; họa hại sắp đến như Đức Phật đã nói”.

Tà dâm có mười tội:

- 1- Thường bị người chồng đã dâm, muốn ngăn chặn, hãm hại.
- 2- Vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên tranh cãi.
- 3- Các pháp bất thiện ngày càng thêm nhiều, đối với các pháp ngày càng giảm ít.
- 4- Không giữ gìn thân, vợ con cô quả.
- 5- Tài sản ngày càng hao hụt.
- 6- Có các việc ác, thường bị người nghi ngờ.
- 7- Thân thuộc, quen biết, không thích.
- 8- Gieo trồng nghiệp kẻ thù.
- 9- Thân hoại, qua đời, đọa vào địa ngục.
- 10- Nếu ra khỏi ngục, làm người nữ, có nhiều chồng chung; nếu làm người nam, thì vợ không trinh tiết.

Người nói dối, trước tự lừa dối mình, sau là dối người, lấy thật làm giả, lấy giả làm thật. Giả thật điên đảo, không thọ nhận pháp lành. Ví như bịt miệng mình, nước không đổ vào bình được người nói dối, tâm không hổ thẹn, đóng bít đường trời, cửa ngõ Niết bàn. Vì quán biết tội này, thành ra không nên nói dối. Lại nữa, quán biết thật ngữ có lợi ích rất rộng, lợi của lời nói chân thật, được xuất phát từ mình, rất là dễ được, đây là công sức của tất cả người xuất gia. Với công đức như thế, nếu người tại gia có chung lợi ích này, có tướng của người lành, của người thật ngữ, thì tâm họ sẽ, ngay thẳng, để tránh khỏi khổ đau. Ví như kéo gỗ rừng rậm, gỗ thẳng, suôn đuột thì dễ ra. Người đời ngu si, ít trí, hễ khi gặp phải sự khổ ách, tai nạn, thì nói dối để mong được thoát thân, không biết rằng, việc xảy ra thì đời nay đắc tội; không biết đời sau, sẽ có tội báo lớn hơn.

Lại nữa, có người dù biết rằng tội nói dối là vì nhiều tham lam, keo kiệt, giận dữ, ngu si, nên mới nói dối. Mặc dù không tham, giận, nhưng vọng chứng biết tội của người, tâm cho rằng thật như vậy, chết rồi sẽ đọa vào địa ngục, hưởng chi lòng dạ độc ác tham, giận, si vọng chứng biết ư? Như Câu-Ca -ly, đệ tử của Đề-Bà-Đạt-đa, thường tìm lỗi lầm của Xá-lợi-phất.

Bấy giờ, hạ an cư xong, hai vị Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đi đến các nước, gặp trời mưa to, đến nhà người thợ gốm, rồi tá túc trong nhà chứa đồ gốm này. Trong nhà này, trước đó có một người nữ đã ngủ trong buồng tối, hai vị không biết. Đêm đó, người nữ này nằm mộng,

thấy xuất chất bất tịnh. Sáng hôm sau, cô ta xuống tắm gội dưới dòng nước gån đó. Bấy giờ, Câu-ca-ly tình cờ gặp ả trên đường đi, Câu-ca-ly có thể xem tướng biết được trình trạng giao hội của con người, mà không biết mộng và không mộng. Câu-ca-ly này cố tình nói với đệ tử: “Đêm qua, cô gái này đã thông tình với người”, liền hỏi cô: “Cô ở chỗ nào đi ra? Cô gái đáp: “Tôi ngủ trọ trong nhà của người thợ gốm”. Lại, hỏi: “Chung với ai? Cô gái đáp với hai vị Tỳ-kheo”. Lúc bấy giờ, hai vị từ trong nhà đi ra, Câu-ca-ly thấy rồi, lại dùng tướng để xét nghiệm hai vị, ý cho rằng hai người tất nhiên bị rớt chất bất tịnh. Trước hết, có tâm ganh ghét, đã thấy việc này, còn bảo cho mọi người trong khắp các thành, ấp, thôn xóm đều biết. Sau đó, lại đến tinh xá Kỳ-hoàn, nói lời ác này! Trong khi đó, Phạm Thiên Vương muốn yết kiến Đức Thế Tôn. Đức Phật vào tịnh thất, tam-muội vắng lặng; các chúng Tỳ-kheo cũng có tam-muội đóng cửa phòng, đều không thể hay biết. Phạm Thiên Vương liền tự nghĩ: “Ta cố đến yết kiến Phật, Phật đã nhập tam-muội. Lại muốn quay trở lại, liền nghĩ rằng: “Đức Phật xuất định, cũng sẽ không lâu!”, bèn dừng lại trong giây lát, trước phòng Câu-ca-ly, gõ cửa vừa nói: “Câu-ca-ly, Câu-ca-ly! Xá-lợi, Mục-liên thanh tịnh, ông đừng phỉ báng họ, mà phải chịu đau khổ suốt đêm dài!” Câu-ca-ly hỏi:

Ông là ai? Đáp:

Ta là Phạm Vương. Hỏi:

Đức Phật nói ông đã đắc đạo A-na-hàm, vì sao ông đến đây?

Phạm vương tâm nghĩ, mà nói kệ rằng:

*Pháp vô lượng, muốn suy lường  
Không nên dùng tướng nhận lấy  
Pháp vô lượng muốn suy lường  
Dã nhân này che lấp mắt.*

Nói kệ này xong, Phạm Vương đến chỗ Phật, nói cụ thể về việc Câu-ca-ly. Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Ông đã vui vẻ nói kệ này”. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ này. Phạm Vương nghe Phật nói xong, bỗng nhiên biến mất, liền trở lại cõi trời.

Lúc bấy giờ, Câu-ca-ly đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật xong, đứng sang một bên. Phật bảo Câu-ca-ly:

Xá-lợi, Mục-liên là người thanh tịnh, ông chớ chê bai họ, để rồi phải chịu đau khổ suốt đêm dài! Câu-ca-ly bạch Phật:

Đối với lời Phật nói, con chẳng dám không tin, chỉ vì chính mắt con thấy rõ, quyết định rõ ràng, rằng, hai người đã làm việc bất tịnh. Đức Phật quả trách ba lần như thế, Câu-ca-ly cũng không chịu, vội từ

chỗ ngồi đứng dậy đi ra, trở về phòng mình, đột nhiên, toàn thân mọc các nốt bằng hạt cải, to dần bằng hạt đậu, như trái táo, lại chuyển biến to bằng bằng móng tay, hợp nhau cháy sém, tan rã, như đốt đồng lửa to, khóc lóc, kêu la và chết ngay trong đêm đó, đọa vào địa ngục Đại Liên Hoa.

Có một Phạm thiên, đến nửa đêm bạch Phật: “Câu-ca-ly đã đọa vào địa ngục. Đêm đã qua rồi! Đức Phật sai nhóm hợp chư tăng mà bảo rằng: “Các thầy muốn biết Câu-ca-ly đã đọa địa ngục, tuổi thọ dài, ngắn hay không? Các tỳ-kheo nói”:

- Chúng con rất muốn nghe! Phật nói: “Sáu mươi học mè, có người sống lâu hơn trăm tuổi, lượm lấy một hạt mè đi, cùng tận như thế, thì tuổi thọ trong địa ngục A-Phù-Đà cũng chưa hết. Sự sống lâu trong hai mươi địa ngục A-Phù-Đà là một tuổi thọ trong địa ngục Ly-La-Phù-Đà. Cứ nhân như thế, đều hai mươi lần. Câu-ca-ly là đọa trong địa ngục dùng năm trăm cây đinh đóng vào lưỡi; năm trăm lưỡi cày cày nát lưỡi”.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Người ta ở đời,  
Búa ở trong miệng  
Sở dĩ chém thân  
Do lời nói ác.*

Nên quở mắng mà khen, nên khen mà quở mắng. Miệng nói các điều ác, sau cùng không thấy vui. Tâm dựa vào tà kiến, đả phá lời nói của Hiền, Thánh, như tre sống đặc ruột, tự hủy hoại thân nó. Chịu tội như thế, không nên nói dối. Phật nói: “Nói dối có mười tội, mười tội đó là:

- 1- Hơi miệng hôi thối.
- 2- Thiện thần xa lánh, phi nhân được dịp làm hại.
- 3- Dù có nói thật, người vẫn không tin nhận.
- 4- Người trí bàn luận mưu kế, thường không tham dự
- 5- Thường bị nhạo báng, tiếng xấu xa, gian ác đồn đại khắp thiên hạ.
- 6- Người không kính trọng; dù có dạy bảo, người cũng không nghe theo.
- 7- Thường mang nhiều nỗi lo buồn.
- 8- Gieo trồng nghiệp bài báng.
- 9- Chết đọa địa ngục.
- 10- Ra khỏi địa ngục, được sinh lên làm người, thường bị phỉ



báng.

Vì những lỗi như thế, thành ra không nên nói dối.

Rượu có ba thứ: Lúa, quả, rau, đều có nhiều thứ, đều có công năng khiến cho lòng người giao động, bùng lung, đó gọi là tất cả rượu, không nên uống, đó gọi là không uống rượu.

Hỏi: “Rượu có công năng phá lạnh, ích cho thân, được hoan hỷ, vì sao không uống?”

Đáp: “Giúp ích cho thân thì rất ít; gây tổn hại cho thân thì quá nhiều”. Do vậy, không nên uống, như Phật nói với Ưu-bà-di Nan-Đề-Ca: Rượu có ba mươi lăm lỗi, ba mươi lăm lỗi đó là:

1- Tài vật hiện tại bị cạn kiệt. Vì sao? Vì người uống rượu say, tâm không có giới hạn, tiết chế, phí dụng vô độ.

2- Cửa để mọi chứng bệnh xâm nhập.

3- Gốc của sự đấu tranh.

4- Trần truồng không biết hổ thẹn.

5- Tiếng tăm xấu, ác, người không kính nể.

6- Che mất trí tuệ.

7- Vật đáng lẽ được mà không được; vật đã được thì tiêu tan mất.

8- Việc đáng giấu, đều nói cho mọi người biết.

9- Các thứ sự nghiệp đều bỏ dở, không thành.

10- Say rượu là gốc của sự buồn rầu. Vì sao? Vì trong khi say, có nhiều lỗi, lúc tỉnh rồi, cảm thấy hổ thẹn, lo buồn.

11- Lực thân chuyển vận ít.

12- Sắc thân bị hủy hoại.

13- Không biết kính trọng cha.

14 Không biết kính trọng mẹ.

15- Không biết kính trọng Sa-môn.

16- Không biết kính trọng Bà-la-môn.

17- Không biết kính trọng chú bác và tôn trưởng. Vì sao? Vì say mất, hoãng hốt, không có đối tượng riêng.

18- Không kính trọng Phật.

19- Không kính trọng Pháp.

20- Không kính trọng Tăng.

21- Bạn bè đều là những người ác.

22- Xa lánh bậc Hiền, thiện.

23- Làm người phá giới.

24- Không có hổ thẹn.

- 25- Không giữ sáu căn.
  - 26- Buông lung theo sắc.
  - 27- Bị người ghen ghét, không thích thấy mặt.
  - 28- Bị các thân thuộc, quý trọng và các tri thức đều xua đuổi.
  - 29- Thực hành pháp bất thiện.
  - 30- Xả bỏ pháp lành.
  - 31- Người sáng suốt, người trí đều không tin tưởng. Vì sao? Vì rượu buông lung.
  - 32- Xa lìa Niết bàn
  - 33- Trông nhân ngu si.
  - 34- Thân qua đời, đọa vào đường ác.
  - 35- Được làm người, sinh ra nơi nào thường bị điên khùng, đần độn.
- Ba mươi lăm tội này có nhiều thứ lỗi lầm. Vì thế, không nên uống rượu.

Lại nữa, người tại gia ở đời, vụ việc của đương quan, gia nghiệp tạo ra sai khiến, cho nên, khó vâng giữ không nói lời hung ác, v.v...

Năm giới có năm thứ thọ, gọi là năm thứ Ưu-bà-tắc:

- 1- Thực hành một phần
- 2- Thực hành phần ít
- 3- Thực hành phần nhiều
- 4- Thực hành mãn phần
- 5- Dứt dâm.

Thọ một phần, một tên, hai, ba gọi là ít.

Thọ phần, nhiều bốn danh ba thọ mãn phần của năm danh.

Thọ năm giới xong, sư trước hết lại lập ra lời tự thệ: pháp tám giới, như nghi thức thông thường (y cứ vào ba quy y, cũng một ngày, một đêm).

Hỏi: Năm giới, tám giới, giới nào trội hơn?.

Đáp: “Vì có nhân duyên, nên hai giới đều bằng nhau, nhưng năm giới giữ trọn đời; tám giới giữ một ngày. Lại năm giới thường xuyên gìn giữ, thời lượng nhiều mà giới ít. Giới một ngày đêm: thời lượng ít, giới nhiều. Lại nữa, nếu không có tâm Đại thừa giữ giới một ngày. Ví như người mềm mỏng làm tướng, dù làm tướng suốt đời, nhưng trí, dũng không đủ, chung quy không có công danh; nếu là người anh hùng, xông pha dẹp loạn, thì chắc chắn sẽ lập được công danh; công huân của một ngày, che khắp cả thiên hạ. Lại nữa, dù phá giới, đọa vào tội, cuối cùng, tội sẽ được giải thoát, như trong kinh Ưu-bát-la Hoa Tỳ-kheo-ni

bổn sinh chép: Lúc Phật ở đời, các Tỳ-kheo-ni được A-la-hán sáu thần thông, vào nhà người sang trọng, thường khen ngợi pháp xuất gia, nói với các phụ nữ, người quý phái rằng: “Chị em hãy xuất gia”. Các phụ nữ quý phái nói rằng: “Chúng tôi còn trẻ trung, mạnh khỏe, nhan sắc xinh đẹp, thì giữ giới thật khó, đôi khi sẽ phá giới”. Tỳ-kheo-ni nói: Pháp giới, ấy là phá, chỉ cho xuất gia.

Hỏi: “Pháp giới sẽ đọa địa ngục, làm sao phá được?”

Đáp: “Đọa ấy cũng là đọa, các phụ nữ quý phái mỉm cười nói: “Chịu tội ở địa ngục, làm sao có thể đọa?”. Tỳ-kheo-ni nói:

Ta tự nghĩ là: nhân duyên đời trước, khi làm vũ nữ, ta đã mua sắm mọi kiểu y phục, mà nói những gì cần nói, đôi khi ta mặc y của Tỳ-kheo-ni để cười đùa.

Do nhân duyên này, nên vào thời Phật Ca-diếp, ta làm Tỳ-kheo-ni, tự cậy dòng họ sang trọng, uy thế, tâm sinh kiêu hãnh, ngạo mạn mà phá giới cấm. Vì phá giới cấm nên phải đọa vào địa ngục, chịu các thứ tội.

Thọ tội, cuối cùng gặp Phật Thích-ca Mâu-ni, xuất gia, được đạo A-la-hán sáu thần thông.

Vì lý do này, nên biết xuất gia, thọ giới, dù lại phá giới, nhưng vì nhân duyên mới, nên được đạo A-la-hán. Nếu chỉ làm ác, không có nhân duyên giới, thì sẽ không đắc đạo. Ta, do thời xưa, đời đời đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục, làm người ác, người ác chết, đọa trở lại địa ngục, đều không được gì cả. Nay, do nhân duyên này chứng biết xuất gia, thọ giới, dù phá giới nhưng nhờ nhân duyên này sẽ được đạo quả. Lại, nói: “Nhờ say mà xuất gia, thọ giới, Phật bèn cho pháp”.

Say xong trở lại tục, người khác hỏi Phật do đâu?

Phật nói: “Bà-la-môn này từ vô lượng kiếp đến nay, không có tâm xuất gia. Nay, vì say nên phát tâm nhỏ nhoi này, nên ta cho xuất gia làm nhân đời đương lai”.

#### **4- Môn Hộ giới:**

Dẫn thuyết trong kinh Tô-đà Ma Vương nói: “Không tiếc thân mạng để giữ hoàn toàn giới cấm, như bổn thân Bồ-tát từng làm rồng độc có sức mạnh. Nếu chúng sinh với sức thân ở trước yếu ớt, mắt nhìn thấy, ấy là chết; sức thân mạnh mẽ, hơi đi qua mà chết. Con rồng này thọ giới một ngày, xuất gia, cầu vắng lặng, vào trong rừng cây, suy nghĩ, vì ngồi lâu mỗi mệt, bèn ngủ. Bấy giờ, hình tượng như rắn, thân có văn chương, sắc lẫn lộn bảy báu. Gã thợ săn nhìn thấy con rồng này,

kinh hãi vừa vui mừng nói: “Lấy được cái da hiếm có, khó được này, đem dâng lên nhà vua để làm trang sức y phục, chẳng lẽ không nên ư? Anh ta bèn dùng gậy đè đầu con rồng xuống, dùng dao lột da. Con rồng tự nghĩa: “Ta có sức mạnh như ý, có thể làm khuynh đảo cả nước này dễ dàng như trở bàn tay; vật nhỏ của người này đâu thể vây khốn được ta. Nay, ta vì giữ giới, nên bất kể thân này, ta phải theo lời Phật dạy”. Đoạn tự chịu đựng, mắt nhắm nghiền như ngủ, không nhìn; nín hơi, không thở, thương xót người này vì lẽ giữ giới, nên nhất tâm chịu cho lột da, không có ý ăn năn. Đã mất vì da, nên thịt đỏ tươi rơi rớt xuống đất. Lúc đó, mặt trời rất nóng, con rồng nằm quằn quại dưới đất. Nó định đến dòng nước lớn, thấy các con giòi nhỏ đến ăn thân mình. Vì giữ giới, nên không dám động đậy, nhúc nhích, tự nghĩ rằng: “Nay thân này của ta bố thí cho giòi trùng là vì đạo Phật. Nay dùng thịt thí cho để thân chúng được no. sau khi thành Phật, ta sẽ dùng pháp thí để lợi ích tâm chúng”. Thệ như thế xong, thân khô, chết đi, liền sinh lên cõi trời Đao-lợi thứ hai. Con rồng độc lúc bấy giờ là Phật Thích-ca Mâu-ni, ngày nay, người thợ săn bấy giờ, chính là sư Đề-bà-đạt-đa, v.v... ngày nay. Các con giòi nhỏ, chính là tám muôn vị trời đắc đạo, trong lần Phật xoay bánh xe pháp đầu tiên.

Bồ-tát thủ hộ giới, không tiếc thân mạng, quyết định không ăn năn, sự việc ấy như thế.

#### **5- Môn ý nghĩa thọ giới:**

Bồ-tát giữ giới, vì đạo Phật nên phát thệ nguyện vĩ đại, tất nhiên, hóa độ chúng sinh, không mong cầu thú vui ở đời này, đời sau; không vì tiếng tăm, khen ngợi, mà là vì pháp, cũng không vì mình mà sớm cầu Niết bàn, chỉ vì chúng sinh đang chìm đắm trong dòng sông dài, vì bị ân ái lừa dối; mê lầm bởi hoặc ngu. Ta sẽ cứu độ chúng, sao cho đến bên kia bờ, nhất tâm giữ giới, vì sinh xứ lành, nên phát trí tuệ; vì phát trí tuệ, nên được thực hành sáu độ; vì được sáu độ, nên được đạo Phật.

Trì giới như thế, gọi là Thi-la Ba-la-mật. Lại, tâm giữ giới ưa điều lành thanh tịnh, không vì sợ đường ác, cũng không vì sinh lên cõi trời, chỉ cầu thiện tịnh, dùng giới xông ướp tâm, sao cho tâm ưa thích việc lành, đây là Thi-la Ba-la-mật.

#### **6- Môn lợi ích của việc thọ giới:**

Lại nữa, Bồ-tát giữ giới sinh sáu Ba-la-mật.

Thế nào là giữ giới hay sinh ra đàn? Đàn có ba thứ:

- 1- Bồ thí của.
- 2- Bồ thí pháp.
- 3- Bồ thí vô úy.

Trì giới tự xem xét không xâm phạm tài vật của tất cả chúng sinh, đó gọi là tài thí.

Chúng sinh nhìn thấy, kính mến công hạnh mình đã thực hành. Lại, vì nói pháp sao cho chúng sinh kia được tỏ ngộ. Lại, tự nghĩ: “Ta phải giữ giới, để tạo ra ruộng phước cho tất cả chúng sinh thực hành cúng dường, sao cho chúng sinh được vô lượng phước”.

Các thứ như thế, gọi là Pháp thí.

Tất cả chúng sinh đều sợ cái chết. Giữ giới không hại, tức là bồ thí vô úy. Lại nữa, Bồ-tát tự nghĩ: “Ta phải giữ giới, dùng báu của giới này, vì các chúng sinh làm vua Chuyển Luân; hoặc làm vua Diêm-phù; hoặc làm Thiên Vương, sao cho chúng sinh đầy đủ của cải, không bị thiếu thốn. Sau đó, sẽ ngồi dưới cây Phật, hàng phục ma vương, thành đạo Vô thượng; vì các chúng sinh nói pháp thanh tịnh, sao cho vô lượng chúng sinh đều vượt qua biển già, bệnh, chết, là nhân duyên giữ giới sinh đàn Ba-la-mật. (các Ba-la-mật còn lại, y cứ vào lý để nói). Nhưng giới dụ cho người già, nhân dụ cho cây gậy, không có gậy thì què. Nhân là chiếc gậy giới, nhờ nương tựa chiếc gậy mà con người mới đến đạo được.

Giới sinh ra siêng năng: Người giữ giới, mỗi một, nhằm chán tai họa khổ già, bệnh, chết của thế gian, tâm sinh tinh tấn, tất nhiên cầu sự giải thoát, cũng vì hóa độ người. Ví như con chồn hoang ở trong rừng, dựa theo sư tử, cọp, chó sói, tìm thịt dư để tự sống còn. Đôi khi đi khát, thiếu thốn, vào nửa đêm, nhảy qua thành vào nhà người để tìm thịt không được, đến nằm ngủ ở chỗ vắng vẻ, bất giác, sáng đêm, hoảng hốt, sợ hãi không còn biết tính sao? Vì hễ chạy thì lo sẽ không được thoát khỏi; còn đứng lại thì chết khổ, bèn tự định tĩnh tâm, giả vờ chết nằm lẩn ra đất. Mọi người chạt đến thấy vậy, có một người nói: “Tôi cần tai của chồn”, liền thỏ lấy tai, Chồn tự nghĩ: “Cắt tai mình dù đau, nhưng chỉ cốt sao cho thân sống còn”.

Tiếp theo, có người nói: “Tôi cần đuôi chồn”, rồi họ lại cắt đi. Con chồn lại nghĩ: Cắt đứt đuôi dù đau, nhưng cũng là chuyện nhỏ”.

Kế lại có một người nói: “Tôi cần nanh chồn”, con chồn nghĩ: Người nhận lấy càng nhiều, bè đảng họ sẽ chạt lấy đầu ta, thì sẽ không còn con đường sống sót nữa!”, nghĩ đoạn, chồn từ mặt đất đứng dậy, hăng hái trí lực của mình, nhảy vọt hẳn lên, thoát qua cửa tất, tự cứu

vớt được mình. Tâm hành giả cầu thoát khỏi khổ nạn, cũng giống như thế. Nếu khi tuổi già đến, cũng cố tự tha thứ, không thể siêng năng khổ nhọc, quyết đoán, tinh tấn bệnh cũng giống như thế, vì có kỳ hạn lành mạnh, nên chưa thể chấp quyết định.

Lúc cái chết sắp đến, tự biết không có trông mong, tự cố gắng khích lệ, quả cảm, hết lòng, phần nhiều, tu tinh tấn, từ trong địa chết, được đến Niết-bàn.

Nói trong nhấn độ, nói lợi dưỡng, mới đặc biệt thích nghi sâu sắc, ấy là Nhấn, như Đề-Bà-Đạt-Đa dù được xuất gia, nhưng Phật và năm trăm Đại A-la-hán không dạy tu thân thông. A-nan chưa được tha tâm, vì kính trọng anh, nên y chỉ thuyết Phật nói, dạy cho tu thân thông, được thông biến hiện, tìm tòi môn đồ, v.v... nói rộng, tư duy về thông.

### **7- Môn Thọ Chánh:**

Kinh Bồ-tát Anh Lạc bốn nghiệp chép: “Phật tử thọ giới có ba hạng”:

1- chư Phật, Bồ-tát, hiện ở trước, thọ được giới phẩm thượng chân thật.

2- Sau chư Phật, Bồ-tát diệt độ, trong vòng ngàn dặm, có người trước thọ giới Bồ-tát, thỉnh làm Pháp sư truyền giới cho ta. Trước ta lễ dưới chân Phật, nên nói như vậy: “Thỉnh Đại Tôn giả làm thầy trao giới cho ta. Đệ tử của Đức Phật kia được giới chánh pháp là giới phẩm trung. Ba vị Phật sau diệt độ, vào thời kỳ không có Pháp sư, trong năm ngàn dặm, nên ở trước hình tượng chư Phật, quỳ thẳng, chấp tay, tự thọ giới, nên nói như vậy: “Con pháp danh là... bạch Phật và Bồ-tát mười phương v.v... ở khắp đại địa, con học tất cả giới của Bồ-tát, là giới phẩm hạ, lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy: “Phật tử, ba thứ này nhiếp thọ ba thứ thọ giới: Phật quá khứ đã nói; Phật vị lai sẽ nói; Phật hiện tại đang nói”.

Các Bồ-tát quá khứ đã học; các Bồ-tát vị lai sẽ học; các Bồ-tát hiện tại đang học, là giới chánh pháp của chư Phật. Nếu tất cả Bồ-tát không nhập môn giới chánh pháp này mà được đạo quả vô thượng, thì không có việc ấy.

Lúc sắp thọ giới, trước bảo lễ Tam bảo rằng: “Đệ tử pháp danh là... Kính lễ tất cả chư Phật đời quá khứ, cùng tận bờ mé quá khứ; vị lai; hiện tại, đều y cứ vào quá khứ này ( nói ba lần).

Lễ pháp, rằng: “Đệ tử pháp danh là ... Kính lạy pháp chân thật thanh tịnh mười hai phần giáo của quá khứ, cùng tận bờ mé quá khứ; vị lai, hiện tại cũng như vậy”.

Lễ tăng rằng: “Đệ tử pháp danh là... Kính lễ chúng Thánh ba thừa của đời quá khứ, cùng tận mé quá khứ, vị lai, hiện tại cũng như vậy (nói ba lần).

Tiếp theo, dạy thọ bốn niềm tin không hư hoại rằng: “Đệ tử pháp danh là... Nguyên từ giờ phút này, cùng tận mé vị lai, quy y Phật, quy y pháp, quy y Hiền, Thánh, Tăng, quy y giới chánh pháp (nói ba lần).

Tiếp theo, dạy sám hối mười nghiệp ác nặng. Đã ăn năn lỗi mình xong, liền cho thọ mười giới vô tận rằng: “Các thầy hãy khéo lắng nghe! Phật tử từ thân hiện nay, đến thân Phật, cùng tận mé vị lai, ở khoảng giữa đó, không được cố sát sinh. Nếu có người phạm, thì không phải lỗi của hạnh Bồ-tát, bốn mươi hai pháp Hiền, Thánh, không được phạm, có thể giữ được không? (Người thọ giới đáp: “Dạ giữ được”.

2- Không được cố ăn trộm.

3- Không được cố dâm dục.

4- Không được cố nói dối.

5- Không được bán rượu.

6- Không được cố ý nói tội lỗi của Bồ-tát tại gia, xuất gia.

7- Không được cố keo kiệt.

8- Không được cố ý giận.

9- Không được cố tự khen, chê người khác.

10- Không được cố chê bai tạt Tam bảo (đều y cứ có thể nói).

Tiếp theo, nói rằng: “Phật tử, thọ mười giới vô tận, người đã thọ giới, thường vượt qua bốn ma, vượt qua nỗi khổ ba đời, từ sinh đến chết không mất giới này, thường thuận theo người tu hành, cho đến thành Phật”.

Này Phật tử! Nếu tất cả chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại, không thọ giới Bồ-tát, thì sẽ không gọi là hữu tình thức, không khác súc sinh, không gọi là người, thường lìa biển Tam bảo, vì chẳng phải là Bồ-tát v.v... Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp xả; có phạm mà không mất, cùng tận mé vị lai. Nếu có người đến muốn thọ giới, Pháp sư Bồ-tát, trước giải thích cho họ hiểu, giúp cho người đó tâm khai, ý giải, sinh tâm ưa thích, sau đó truyền giới cho họ. Lại nữa, Pháp sư có thể ở trong tất cả cõi nước, giáo hóa một người xuất gia, thọ giới Bồ-tát, thì phước của Pháp sư này vượt hơn xây dựng tám mươi bốn ngàn tháp, huống chi là hai, ba người, cho đến trăm, ngàn, phước không thể kể. Về thầy truyền giới thì vợ chồng, sáu thân, được làm thầy truyền trao lẫn nhau, người thọ giới kia nhập vào số Bồ-tát của cõi chư Phật, vượt qua ba kiếp tội sinh tử, thành ra nên thọ giới. Thọ có mười phần, thuận theo thọ một,

cho đến đủ mười. Lại, mười trọng của Bồ-tát này, mười trọng trong tám muôn oai nghi giới, có phạm, không có sám hối. Được sai sứ thọ giới về truyền lại, tám muôn oai nghi giới đều gọi là kinh có phạm, được sai sứ, sám hối. Đối thủ, sám hối diệt. Giới của tất cả Bồ-tát, Thánh phàm đều lấy tâm làm thể, thể nên tâm cũng tận, giới cũng tận, vì tâm vô tận, nên giới cũng vô tận.

Chúng sinh sáu đường được thọ, y cứ vào pháp thọ mười giới của phẩm Giới thế gian của kinh Văn-thù Ván chép rằng: “Lúc bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Quy y? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: “Quy y, nên nói như vậy: “Bạch Đại đức, tôi tên là... Cho đến Bồ-đề, quy y Phật, cho đến Bồ-đề, quy y pháp, cho đến Bồ-đề, quy y tăng lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế. Lại nữa, nói: “tôi tên là... Đã quy y Phật, đã quy y pháp, đã quy y tăng rồi, nói ba lần như thế. Tiếp theo nói: “Bạch Đại đức! Con giữ giới Bồ-tát, con pháp danh là... Cho đến Bồ-đề, không giết hại chúng sinh, lìa bỏ ý nghĩ giết hại cho đến Bồ-đề; không trộm cắp, cũng lìa bỏ ý nghĩ trộm cắp; Cho đến Bồ-đề; Không làm việc phi phạm hạnh, lìa bỏ ý nghĩ phi phạm hạnh, cho đến Bồ-đề, không nói dối, lìa ý nghĩ nói dối, cho đến Bồ-đề; Không uống rượu, lìa ý tưởng uống rượu, cho đến Bồ-đề; Không mang tràng hoa, cũng không sinh ý nghĩ mang tràng hoa cho đến Bồ-đề; Không ca múa tạo nghiệp, lìa ý nghĩ ca múa, cho đến Bồ-đề; Không ngồi nằm giường cao rộng, lìa ý nghĩ giường rộng, cho đến Bồ-đề; Không ăn quá giữa ngày, lìa bỏ ý nghĩ ăn quá giữa ngày cho đến Bồ-đề; Không cầm giữ vàng bạc, sinh tượng, lìa bỏ ý nghĩ cầm giữ vàng, bạc, cho đến sẽ đầy đủ đại từ, đại bi sáu Ba-la-mật”.

Đức Phật nói Kỳ-dạ này, phát thệ đến Bồ-đề. Quy y Tam bảo, vâng giữ mười thứ giới, cũng thệ đến Bồ-đề, sáu độ và bốn đẳng, đều sẽ khiến đầy đủ.

Người tu hành như thế, là tương ứng với Đại thừa. Lúc sắp thọ giới, trước nên phát thệ nguyện. Phẩm Bồ-tát Thọ giới chép: “Lúc bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Có người thiện nam, thiện nữ nào muốn thọ giới pháp mà Bồ-tát đã thọ, thì phải làm sao? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: “Nên đến trước Phật, chí thành lễ bái, nói như vậy: “Con tên là... Xin chư Phật nghĩ nhớ cho, con như chư Phật, Thế Tôn, Chánh biến tri, dùng trí tuệ Phật vô sở trước, con sẽ phát tâm Bồ-đề, vì đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, sao cho được yên vui, phát tâm vô thượng đạo, như chư Phật, Bồ-tát quá khứ, Vị lai, hiện tại đã phát tâm vô thượng Bồ-đề; đối với tất cả chúng sinh, như cha mẹ, anh



em, chị em gái, con trai, con gái, bạn thân, v.v... vì giải thoát chúng sinh kia, được ra khỏi sinh tử, cho đến bảo phát tâm Tam-Bồ-đề, siêng năng khởi tinh tấn, thuận theo các chúng sinh rất cần tài pháp, tất cả đều bố thí; dùng tài pháp, này nhiếp thọ tất cả chúng sinh; dần dần, thuận theo cơ nghi, vì giải thoát chúng sinh ra khỏi sinh tử, cho đến khiến chúng được an trí vô thượng Bồ-đề. Con nguyện sẽ khởi tinh tấn; sẽ không buông lung. (nói như thế ba lần). Đó gọi là phát tâm Bồ-đề đầu tiên của Bồ-tátMa-ha-tát”.

Nếu y cứ vào Kinh Phạm Võng nói mười giới trọng, thì đồng với kinh Anh Lạc, nhưng kinh kia nói đủ tự mình tạo tác, bảo người khác, tùy hỷ nhân sát, duyên sát, nghiệp sát, v.v... lược, rộng, phân biệt như vậy.

Kinh Tịnh Hạnh Ưu-bà-tắc giới chép: “Thọ mười vô tận”, đồng với kinh Anh Lạc Bốn Nghiệp. Lại, thọ giới sáu Ba-la-mật, phương pháp lễ bái, quy y, sám hối, đều đồng với mười vô tận. Nhưng trước kia, kinh Khuyến Miễn chép: “Phật phát ra ánh sáng vô lượng tướng, trên, vượt qua Tam Đảnh, dưới soi rọi khắp các địa ngục và những nơi tối tăm, tất cả đều sáng rực. Chúng sinh có duyên đến nhóm họp. Đức Phật bảo đại chúng: “Hãy nhất tâm khéo nghe! Muốn cầu Bồ-đề pháp chân vô thượng đều tu mười điều lành hóa độ chúng sinh, thương yêu chúng sinh, như yêu con mình, xót thương nghĩ đến Xiển-đề, cứu khổ địa ngục, trăm pháp đủ rồi, nguyện các chúng sinh, được yên vui hoàn toàn, nếu chưa thể phân thân đến cứu giúp, thì thường phát nguyện này; nguyện này đã mãn xong, tiến nhập pháp trí, tu tập chủng tánh, gọi là Đại Ưu-bà-tắc chân Bồ-tát”.

Phật tử có sáu chiếc thuyền lớn, có công năng vượt qua biển cả, chỗ người tu hành đến kho tàng bảo báu, vào dòng nước pháp, rửa sạch nhơ bẩn, thân thể thanh tịnh, ba nghiệp trong sáng, diệt trừ chướng che lấp của già, bệnh, vô minh, tự được cứu độ, lại cứu độ người. Cho nên, Phật tử nên thọ, nên trì. Nếu có người trì giới, từ sơ phát tâm cho đến Diệu giác, thì tùy duyên bố thí, hóa độ. Nếu có chúng sinh chiêu cảm pháp chân, thì Phật sẽ hóa hiện thân Bồ-tát mà đến cứu độ. Nếu cảm ứng, thì Phật sẽ ứng hiện thân Ưu-bà-tắc mà cứu độ (như Quán Âm, v.v...) Dưới đây sẽ thỉnh thọ.

Lúc bấy giờ, ở phương Đông có thế giới hiệu là Quang Tịnh, có tám ngàn vị Đại Phạm Thiên vương. Thế giới thứ nhất lấy tịnh nghiệp đặt danh hiệu, đều có trăm ngàn quyến thuộc, các phương cũng nhiều như số này. Ở thế giới này, vua trời Tịnh Cư, gọi là Tịnh chí, cũng với

trăm ngàn quyển thuộc cùng đến trước Phật, đi nhiều quanh ba vòng, rồi đứng qua một phía, bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Ngày nay, chúng con đang ở biển phiền não, dừng lại trong sông sinh tử, dù muốn lội qua sông, cũng không có thuyền bè chắc chắn, e chìm giữa dòng, muốn trở lại bờ này, cứ lần lượt như thế, không hề trông mong ra khỏi. Đấng đại từ Thế Tôn cứu vớt tất cả. Nguyên Phật ban cho sáu chiếc thuyền để vượt qua tai nạn nguy hiểm!” Chúng ta đã vượt qua sông rồi, cũng bảo tất cả chúng sinh khiến được vượt qua. Ở đời ác sau, truyền khắp bá không dứt.

Tiếp theo, Đức Phật dạy lập nguyện rằng: Phật tử phải phát nguyện lớn: “Nguyện cho tất cả chúng sinh khắp thành Chánh Giác. Nếu có một người còn khổ não, thì con sẽ thay cho họ chịu khổ não, để họ được vui. Dốc lòng đầu mặt dập sát đất, lại nguyện cho tất cả chúng sinh đều hưởng về tướng tử, như cha, như con, thân thể thanh tịnh, như lưu ly trong suốt, nếu có một người không như thế, thì con sẽ thay họ”.

Tiếp theo là dạy sám hối: “Sám hối xong, quy y Tam bảo, kế là nói rằng: “Phật tử đã phát đại nguyện. Sám hối đã xong, lại quy y Tam bảo rồi, ba nghiệp thanh tịnh; Thật là con của pháp thân Như Lai, là chủ chiếc cầu pháp của tất cả chúng sinh, dốc lòng đầu mặt sát đất, thu giữ thân tâm, theo lời nói mà xưng tên”.

Tiếp theo, chánh thức nói về tướng rằng: “Phật tử, từ thân hiện nay đến thân Phật, ở khoảng trung gian đó, thường thực hành Đản Ba-la-mật, đều khiến cho đầy đủ, không được lười biếng, có bị phạm, hoặc phạm, đều chẳng phải Bồ-tát, có thể giữ được không? (đáp lại lời này): Giữ được (Căn cứ ở trước, tùy theo xưng tên, nên nói rằng: Tên... giữ được). Thi-la Ba-la-mật, Săng-Đề Ba-la-mật; Tỳ-lê-da Ba-la-mật; Thiên Ba-la-mật; Bát-nhã Ba-la-mật (căn cứ vào đàn để nói).

Tiếp theo nói: Phật tử, giới của sáu Ba-la-mật này, thường phải giữ gìn, siêng năng thực hành, tu tập, chớ có lười biếng, hoặc lui mất. Bốn mươi hai pháp Hiền, Thánh, giữ vững tâm mình, không được trái phạm, có giữ được không? (Đáp lời dạy: giữ được).

Nếu y cứ vào quyển mười, thì có đủ pháp thọ, trì y, kiết giới, an cư, tự tứ v.v..., rộng như kinh Tịnh Hạnh Ưu-bà-tắc đã nói. Nhưng y cứ vào pháp Ưu-bà-tắc xuất gia, lại có Sa-di, đại giới, v.v...

Tịnh hạnh, Ưu-bà-tắc quyển 3 chép: “Nếu Ưu-bà-tắc giữ giới, phải cẩn thận trọng tội phẩm thượng. Trọng tội phẩm thượng là sao? Thứ nhất, là dâm si; thứ hai, là giết người phát tâm Bồ-đề. Thứ ba, là trộm vật Tam bảo. Thứ tư là không hiếu thuận cha mẹ. Thứ năm là ngạo

mạn với Thầy. Thứ sáu là giết người. Thứ bảy là giận dữ, ganh ty. Thứ tám là keo kiệt, nghèo thiếu”.

Nếu phạm tội Ba-la-di như thế, thì đầy đủ một đại kiếp, đọa vào đại địa ngục, kiếp hết lại sinh. Lân lượt như thế, đến vô số kiếp; chê bai Tam bảo, cũng giống như thế.

#### **8- Môn thọ giới được lợi ích:**

Kinh Ưu-bà-tắc giới chép: “Khi xưa, có một vị Đại Ưu-bà-tắc Bồ-tát thọ trì năm giới, đầy đủ oai nghi, dẫn chúng đệ tử đi khắp xóm ấp, đến thành Chư Ly nghỉ ngơi, thấy một chim mái dẫn hai chim cù dục con lên rừng. Tiếng chim kêu rất buồn thảm, cảm động. Vì Ưu-bà-tắc này tên là Tịnh phát ngoái đầu lại nghe chim kêu mà rơi lệ. Ông quay lại bảo chúng đệ tử: “Con chim này là quyến thuộc khi tu nhân của ta, ta vốn tu hành, xuất gia, thọ giới. Ta có hai con, lên ba và lên bốn. Vợ ta lúc bấy giờ, yêu sắc, chấp mắc ngã, ngoảnh đầu lại nói với con rằng: “Hãy nắm lấy áo của cha con, sống, chết chớ buông!” Chim trống tự nuôi con, cho bú đến ba năm!” Do vậy, nay cha đâu bỗng nhiên bỏ con mà đi. Vì duyên cơ này, nên đọa làm loài chim đen. Do sức giới từ, liền kêu nói: “Con hãy đến chỗ ta. Chim mẹ và hai chim con kêu riu rít mãi không thôi, mừng rỡ như chết đi được sống lại”.

Một phen cách biệt đến nay, là mười sáu muôn năm, ta vốn kính yêu chẳng có tâm ác, đâu trông mong một mai cảm thọ tội báo này. Nói rồi con chim trống bay đến, ôm lòng buồn rầu, bi cảm, áo não. Ngày nay một phen vĩnh biệt, thì không hẹn trở lại. Đối với thân này, đến khi nào, thì ta sẽ thoát bỏ tịnh phát? Lúc bấy giờ, biết tâm ăn năn của người kia, gốc lành đã đến, vì nói nhân duyên sáu độ, mười điều lành. Lại, vì sám hối, dứt trừ sở chướng, tội lỗi, liền trao cho pháp trai, năm phần pháp thân, giới phần giải thoát”.

Thọ giới xong, cung kính đánh lễ, từ biệt mà đi. Hai mẹ con tư lương, qua bảy ngày đêm, đều cùng lúc qua đời, sinh vào nhà Đại Bà-la-môn ở Nam Thiên-trúc, trở lại làm quyến thuộc. Nhân duyên của sức giới, tự nhiên đầy đủ, trí tuệ thông minh; ba nghiệp thanh tịnh được tâm bất thối. Phải biết rằng, giới này một khi thọ thì không mất, cho đến sức sinh, đây gọi là Ưu-bà-tắc không thể suy nghĩ bàn luận.

Lại thuở xưa, có một người vợ giấu giếm chồng mình, ăn riêng một mình vô độ. Vì trộm ăn, nên sau khi chết đọa làm chó đói, sinh vào nhà nghèo hèn, vì phước đức mỏng, hình dáng xấu xí, thân thể mọc đầy ghẻ ngứa, than khóc nghe trái tai thường sửa những tiếng kinh quái, bị

người ghét bỏ, đánh đập, xương sống đùn lại, chân què đi khắp khếnh, chỉ nói giết chóc, không ai cho ăn. Trong năm trăm đời, có ba lần ăn no.

Lần ăn no thứ nhất: Nó gặp hai người say rượu, đều ói cùng lúc, người khác chưa đi qua, nó chạy thật nhanh để ăn. Trong khoảnh khắc đi chưa được, thì con chó to chạy đến ăn, chết đi sống lại. Nó rên rĩ trong nhà vì không thể thoát ra được. người chủ giận dữ, toan tìm cách định giết. Vì tâm sợ chết, nên cố gắng lén đi. Khi bình phục, lành mạnh rồi, bị cơn đói dày vò nguy khốn; nó bắt gặp mảnh rượu, liềm trộm hèm ăn. Ăn no nê rồi, không dám về gần nhà, sợ e sau khi hết say, hoặc bị đánh giết, lập tức nó chạy đến chỗ không có người qua lại, ý bụng lung, ngủ li bì suốt ba ngày. Lúc tỉnh dậy lại bị cơn đói vây khốn làm khổ, nghĩ đến uống, ăn, không cách nào có được. trong khoảnh khắc bồi hồi, thì người chủ là thôn nữ đang xách một đấu gạo đầy để trong nôi đất, đập miệng nôi lại rồi bỏ đi. Thấy người chủ đi rồi, nó dùng mỏ đẩy nắp nôi văng ra, đút đầu vào giữa nôi ăn hết gạo, sau đó kéo đầu ra không được, phần thì sợ người chủ đến thấy, nó dốc hết sức mang chiếc nôi chạy đi từ Đông sang Tây, vẫn không mở được. Ở giữa đường không có tiếng, nó dừng lại, trong chốc lát đến sau cùng, nó chết tại đây, trở lại thân chó trong khoảnh khắc.

Lúc bấy giờ, có vị Bồ-tát tên là Vô Ngôn, liền nói cho nghe pháp năm phần giới. Nhân dạy khiến tu trì, bỏ thân này rồi sinh vào nhà vua, thông minh, trí tuệ, được Bồ-đề không lui sụt.

Giới Ưu-bà-tắc có năng lực không thể suy nghĩ, bàn luận như thế. Nay người Thiện nam! Các ông tu đạo nhẫn nhục làm đầu. Vì sao? Vì xưa có một người tên là Cao Vương, xuất gia thọ giới, hay khinh dễ thầy mình, thường có tâm ngạo mạn. Đối với các đồng đạo cũng như thế; tranh chấp giận dữ, miệng buông lung bốn lỗi, khi chết đọa vào địa ngục lớn, trải qua bảy Đức Phật cũng không được ra, mãi đến hết kiếp Hiền mới được khỏi nạn. Dự báo dùng số kiếp để nói cũng không thể hết. Cho nên, tu đạo trước phải nhẫn nhục.

Lại có một vị Đại quốc vương tên là Kiệt-lô-già, bị vua Đại Trần thảo phạt giết chết. Vua có một người con tên là Tín Trụ. Cha mất rồi giấu mình, ẩn phục. Khi tuổi đã khôn lớn, nghèo không có tư sản, bị sai khiến thờ phụng sự. Khi nhà vua du ngoạn, sức thân quá mệt mỏi, nên thất lạc các bạn, Tín Trụ cùng nhà vua, hai người đến bên một dòng nước, Tín Trụ xuống tắm chung với vua. Lúc bấy giờ, nhà vua bị nước cuốn chìm. Tín Trụ dang tay ra nắm lấy tóc vua kéo ra khỏi vực sâu, Tín

Trụ nói với nhà vua: “Tôi là con của Kiệt-Lô-già, nhà vua đã giết chết cha tôi, là mối thù lớn của tôi. Vì nghe nói thù cha không đồng với trời như chiếc dù, thù anh không đồng với nước mà đi. Tôi vì việc nguy khốn này không thể nhịn được, nhà vua phải chịu chết thôi. Vua Đại Tràng đáp: “Trăm lần chết ta không hề hối hận!” Tín Trụ đáp: “Tôi không giết nhà vua chỉ bảo cho ông biết mà thôi, vì nói về trả oán ví như bánh xe không có đầu mối, nếu không báo thù, hòa thuận mới được chấm dứt. Sau đó, Tín Trụ vội đỡ nhà vua lên ngựa cùng trở lại nước. Trở lại nước rồi, liền triệu tập các quan hỏi: “Nay bắt được con của Kiệt-lô-già là được thưởng hay là chém? Các quan đều tâu: “Tâu Đại Vương! Con của kẻ mất nước không thể thưởng, phải giết chết hẳn”.

Nhà vua liền bàn bạc cụ thể việc trước kia, rồi đưa vợ, con gái trở lại bốn quốc. Vua tự trở về nước trị vì như cũ.

Này người thiện nam! Tâm Bồ-tát rộng như núi, biển, vô lượng thiện, ác đều chứa đựng trong đó. Lại, oán thù còn nhẫn hướng chi gian dữ khác. Hoa báo trong hiện tiền thọ vui. Về sau sinh lên cõi trời cho đến đại quả nên người giữ giới sức nhẫn rất lớn.

### ***9- Môn thọ mười điều lành:***

Đầu tiên, suy nghĩ nên tu mười điều lành. Kinh Thập Địa chép: “Bồ-tát nghĩ như vậy: “Tất cả chúng sinh đọa vào các đường ác đều do không lìa mười nghiệp đạo bất thiện tập nhân duyên. Cho nên, trước phải trụ pháp lành cũng khiến cho người khác trụ trong pháp lành vì sao? Vì nếu người tự không làm điều lành; làm việc thiện không đủ, mà nói pháp cho người khác nghe, muốn cho họ trụ trong pháp lành là không có việc đó”.

Tiếp theo, tư duy mười quả bất thiện rằng: “Bồ-tát này lại nghĩ: “Mười nghiệp đạo này bất thiện phẩm thượng là nhân duyên địa ngục; phẩm trung nhân duyên là súc sinh; phẩm hạ là nhân duyên ngạ quỷ. Tội của sát sinh ở phẩm trung có thể khiến chúng sinh đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu sinh lên làm người được hai thứ quả báo”.

1- Mạng sống ngắn ngủi.

2- Thường bị bệnh.

Tội của trộm cướp cũng khiến cho chúng sinh đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu sinh lên làm người thì sẽ mắc hai quả báo:

1- Nghèo cùng.

2- Tài vật chung không được tự tại (tám đạo nghiệp còn lại đồng với văn ba đường ác).

Tội tà dâm nếu sinh lên làm người thì sẽ mắc hai thứ quả báo:

- 1- Vợ không trinh tiết, lương thiện.
- 2- Hai người vợ tranh cãi nhau không theo ý mình.

Tội nói dối, nếu sinh làm người thì sẽ mắc phải hai thứ quả báo:

- 1- Thường bị chê bai.
- 2- Thường bị nhiều người lừa dối.

Tội nói lười đôi chiều. Nếu sinh làm người thì sẽ mắc phải hai thứ quả báo:

- 1- Quyến thuộc bị phá hoại.
- 2- Quyến thuộc xấu ác.

Tội của miệng nói lời hung ác: Nếu sinh làm người thì sẽ mắc phải hai thứ quả báo:

- 1- Thường nghe tiếng ác.
- 2- Có nói năng gì thì luôn tranh cãi.

Tội nói lời thêu dệt: Nếu sinh làm người thì sẽ mắc phải hai thứ quả báo:

- 1- Đã nói chánh ngữ nhưng người không tin.
- 2- Tất cả lời nói không thể hiểu rõ.

Tội tham dục: Nếu sinh làm người thì sẽ mắc phải hai thứ quả báo:

- 1- Tham của không biết thỏa mãn.
- 2- Mơu cầu nhiều thường không vừa ý mình.

Tội giận dữ: Nếu sinh làm người thì sẽ mắc phải hai thứ quả báo:

- 1- Thường bị người khác vạch tìm điều xấu tốt của mình.
- 2- Thường bị náo hại bởi người khác.

Tội tà kiến: Nếu sinh làm người thì sẽ mắc phải hai thứ quả báo:

- 1- Thường sinh vào nhà tà kiến.
- 2- Tâm luôn tà vạy, nịnh hót.

Đã biết quả ác. Tiếp theo tư duy xa lìa rằng: “Ta sẽ xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện, ưa thực hành pháp thiện, vì làm lợi ích cho chúng sinh, nên phải trụ mười nghiệp đạo thiện, cũng bảo người khác an trụ trong mười nghiệp đạo thiện vì tự mình trụ pháp lành, xa lìa chướng kia, tu hành đối trị cũng khiến chúng sinh trụ pháp lành. (Tiếp theo tư duy mười điều lành, có được lợi ích rộng như kinh Thập Địa, Nhân Vương, Di-lặc Vấn Luận, v.v... nói)”.

Đã muốn cho chúng sinh tu hành mười điều lành, vì ở mười pháp lành vì dựa vào bi tặng thượng nên đối với tám thứ chúng sinh, sinh tám thứ tâm.

1- Đối với chúng sinh hạnh ác, vì muốn cho trụ hạnh lành nên sinh tâm yên ổn.

2- Đối với chúng sinh khổ, khiến đủ vui vì không cùng tận nên sinh tâm vui.

3- Đối với chúng sinh oán ghét, vì không nghĩ đến thêm báo thù nên sinh tâm từ.

4- Đối với chúng sinh nghèo cùng, vì muốn cho chúng sinh được xa lìa nỗi khổ kia nên sinh tâm bi.

5- Đối với chúng sinh yên vui, vì muốn cho chúng không buông lung, nên Bồ-tát sinh tâm thương xót.

6- Đối với chúng sinh ngoại đạo, vì muốn cho họ hiện tin Phật pháp, nên sinh tâm lợi ích.

7- Đối với chúng sinh của nhân hạnh, vì muốn cho chúng không lui sụt, nên sinh tâm che chở.

8- Đối với tất cả thuộc về Bồ-đề, nguyện chúng sinh như nguyện cho thân mình, vì các chúng sinh này tức là thân ta nên sinh ngũ tâm.

Lại nữa, Bồ-tát nghĩ rằng: “Các chúng sinh này đọa vào tà kiến, ý ác, rừng rậm của đường ác, ta nên bảo chúng sinh đó thực hành đạo chánh kiến”. Lại, Bồ-tát nghĩ rằng: Tướng chung của chúng sinh này đã phá hoại sự phân biệt giữa người và ta, thường đấu tranh chung, ngày đêm giận hờn luôn hực cháy không thôi dứt, ta nên giúp cho chúng được an trụ trong đại đạo vô thượng”.

Lại, Bồ-tát nghĩ rằng: “Tâm của các chúng sinh này không có thỏa mãn, thường mưu cầu tài sản của người khác, tà mạng tự nuôi sống, ta nên giúp cho họ trụ trong chánh pháp mạng của nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh”.

Lại, Bồ-tát nghĩ rằng: “Các chúng sinh này nhân tùy thuộc tham dục, giận dữ, ngu si, thường bị các thứ lửa hừng phiến não thiêu đốt, không thể có chí mong cầu phương tiện ra khỏi ác, ta nên bảo họ hãy dứt trừ tất cả lửa lớn phiến não, an trí họ ở chỗ thanh tịnh không sợ hãi”.

Lại, Bồ-tát nghĩ rằng: “Các chúng sinh này vì ở trong sinh tử, nên thường bị nhận chìm bởi sóng cả của dòng nước cuộn cuộn chảy siết, xuôi theo dòng dục, dòng hữu, dòng kiến, dòng vô minh, xuôi theo dòng chảy trôi nổi thế gian, chìm đắm trong sông ái mênh mông, vì dòng chảy quá nhanh, nên không thể chánh quán, thường giác biết dục; giác biết giận dữ, giác biết não. Vì hành vi ác rộng, nên bị la-sát cầm giữ trong nước ái kiến, thuận vào rừng dục, vì vướng mắc ái sâu, nên đất

liền ngã mạn đã bị cháy khô, không có khả năng cứu chữa; xóm làng sáu nhập không thể phát động, tự là hạnh lành, không có người thích đáng hóa độ, ta nên sinh tâm đại bi đối với họ, dùng năng lực gốc lành mà cứu vớt họ, sao cho họ được vô úy, không nhiễm, vắng lặng, là các nỗi sợ hãi, an trụ trong bảo châu Nhất thiết trí tuệ”.

Lại, Bồ-tát nghĩ rằng: “Các chúng sinh này đã bị giam dữ ở chỗ lao ngục thế gian, mang nhiều khổ sở, tai họa, nhiều vọng tưởng phiền não, yêu ghét ràng buộc, lo buồn hiện hành chung, bị trói buộc bởi vòng xích ái, dẫn sâu vào rừng rậm vô minh ba cõi, khiến an trụ Niết-bàn vô ngại là tướng”.

Phát ý nghĩ này rồi, kế là pháp thọ giới, như nghi thức thông thường. Lại, kinh Di-lặc Vấn chép: “Bồ-tát tu hành mười nghiệp đạo thiện có năm sự kiện kỳ lạ, ít có.

- 1- Khởi tâm mạnh mẽ.
- 2- Tinh tấn
- 3- Vững chắc
- 4- Trí tuệ
- 5- Quả (như danh khởi).

Lại, các Bồ-tát vì dùng nguyện vững chắc, nên nương tựa đại từ bi, khởi hạnh lợi ích cho chúng sinh. Đối với các thế gian, tâm không mỗi mệt.

Sao gọi là nguyện vững chắc của Bồ-tát?

Đáp: “Có năm thứ pháp, gọi là nguyện vững chắc của Bồ-tát”:

- 1- Thịnh văn thừa không thể lay động.
- 2- Bích-chi-phật thừa không thể lay động.
- 3- Luận của các ngoại đạo không thể lay động.
- 4- Tất cả các ma không thể lay động.
- 5- Chẳng thể do không có nhân, không có duyên, mà tự nhiên lay động.

Lại, có năm pháp biết được Bồ-tát có tâm đại bi:

- 1- Vì đem lại niềm vui yên ổn cho chúng sinh, không tiếc tất cả vật giúp ích cho sự sống.
- 2- Không tiếc thân mình.
- 3- Không yêu, tiếc thân mạng.
- 4- Tu tất cả hạnh, không đợi nhiều thời gian.
- 5- Oán thân bình đẳng.

Cho nên, Bồ-tát đối với các thế gian, tâm không mệt mỗi, nên đã vì chúng sinh, phát tâm Bồ-đề.



Người thợ mười điều lành của Bồ-tát này, cũng nên tu hành tâm vững chắc v.v...

### **10- Môn khen nhân hộ giới:**

Kinh Ưu-bà-tắc giới quyển tư chép: “Này người thiện nam! Nếu Ưu-bà-tắc vâng giữ giới, thì nhân nhục là ưu tiên. Giận đến thì đáp lại vẻ vui mừng, bị xúc não, vẫn không thay đổi. Đây là thể trì giới của Bồ-tát. Bồ-tát thí cho người khác, từ oán là bắt đầu”.

Này người thiện nam! Thuở xưa, có vị vua hiệu là Trường sinh, dùng chánh pháp để trị nước, không uổng phí nhân dân, thiên hạ thái bình, cõi nước yên tĩnh. Vua nước láng giềng là Ma-lô-la-na, vì tham cõi nước của mình, nên đã khởi binh đánh chiếm, giết vua Trường sinh, rồi ở trong cung điện của ma. Vua Trường sinh chỉ có một con người, mới biết nói, chưa có sự nhận thức. Lúc nhà vua sắp băng đã có sắc chỉ các quan văn võ đôi bên: Con Trầm là Ma-Nạp-Nhã, hãy bảo toàn thân mạng nó, đừng báo thù nước, mới thật là con ta. Vì người muốn chấm dứt oán thù, thì không nẩy sinh ý tưởng đáp trả, oán mới dứt được; nếu kẻ trả oán thù thì cũng như bánh xe quay sẽ không bao giờ có bao giờ có chỗ ngừng.

Ma-Nạp-Nhã mới lên mười hai tuổi, đổi tên là Di Tánh, danh là Vô Tự. Bị sai khiến hầu hạ nhà vua. Mặc dù tuổi Vô Tự còn ấu thơ, nhưng về tài, trí hơn người; hình mạo khôi ngô đáng đáp tuấn tú, lễ tiết, cúi ngược, hầu hạ dễ xem. Ma-nạp rất được vua cha sủng ái, thường ở trong nhà. Được ba năm tuổi chàng lên mười lăm. Lúc bấy giờ, vua Ma-lô-la-na và Hoàng hậu hai người chỉ có chung Vô Tự, không còn có người nào khác.

Một hôm, ở trong cung vua phát hiện bị mất râu chuỗi Anh lạc và một chiếc áo, nhà vua vội hạ lệnh tìm kiếm, tra xét, nhưng không biết được thủ phạm. Vua tự nghĩ: “Không có người nào khác, chỉ có Vô tự đã lấy trộm chuỗi ngọc, áo của ta, liền ra lệnh bắt Vô Tự, như trị phạt hỏi: “Nếu Vô Tự có trộm chuỗi ngọc, và áo của ta thì hãy đem ra đây nhanh lên”. Vô Tự đáp:

Muôn tâu, chính con đã lấy trộm chuỗi ngọc, phải biết rằng râu chuỗi ngọc ngày hôm nay không thể được. vua liền hỏi: “Người đã lấy trộm của ta, sao lại nói râu chuỗi ngọc không thể được? Vô Tự đáp: “Vì vốn không phải là ý của tôi, mà là Thái tử đã sai tôi trộm chuỗi ngọc, đang ở bên Thái Tử, thì làm sao có thể có được”. Vua liền hỏi:

Nếu Thái tử lấy trộm, thì còn chung với ai nữa? Vô Tự đáp: “Quan

đã được vua sủng ái, lại là khách, chủ có giá trị chung; lại gái dâm chung”. Lúc bấy giờ, vua y cứ lời khai của Vô Tự, lệnh cho bắt Thái tử dẫn đến hỏi: “Con trộm chuỗi ngọc như thế nào? Thái tử đáp: “Con không lấy trộm chuỗi ngọc”. Vua hỏi Vô Tự:

Thái Tử không lấy trộm. Vô Tự tâu vua:

Tâu Đại vương! Thái tử đã lấy trộm chuỗi ngọc, nay lại nói không trộm, sẽ được khỏi tội trộm chuỗi ngọc; Vô Tự cũng không lấy trộm chuỗi ngọc”. Vua cấm Thái tử đến ở chỗ không phải chỗ. Tiếp theo hỏi quan đại thần.

Vô Tự dẫn chứng các khanh đã lấy trộm râu chuỗi, hãy mau đem ra đây! Đại Thần đáp:

Thật sự không lấy trộm chuỗi ngọc. Vua hỏi Vô Tự:

Quan không lấy trộm chuỗi ngọc, sao người lại dẫn chứng họ? Vô Tự tâu:

Tâu Đại vương! Miệng nói không lấy trộm, được thành không trộm, Vô Tự cũng không trộm chuỗi. Tiếp theo, vua hỏi người buôn bán, cho đến gái dâm, cũng giống như thế. Vua liền ra lệnh cho năm người này đều cho ở riêng một chỗ.

Lúc bấy giờ, cô gái dâm trước đến hỏi Vô Tự rằng: “Trong cung vua, có người nào lạ không?” Vô Tự đáp:

Chỉ vua, hoàng hậu và tôi, ngoài ra không có ai lạ.

Cô gái dâm hỏi: “Nếu không có người nào khác, thì có chim Anh Vũ, v.v... thú khỉ vượn, v.v... không? Vô Tự đáp:

Có một con khỉ thường ở trong cung, các khỉ vượn khác, đều không thể vào. Cô gái nói với Vô Tự rằng: “Vậy là con khỉ đã lấy trộm râu chuỗi và chiếc áo đem đi rồi! Ông cứ xem xét, sự thật không có nghi ngờ. Ông phải tâu với vua, cho các kỹ nữ ra, mặc nhiều áo đẹp, các khỉ khác cũng mặc áo đẹp; con khỉ trong cung chỉ cho trần truồng sắp hàng trước sân, vừa nô đùa vừa múa. Loài khỉ vốn ưa bắt chước, tất nhiên nó sẽ lấy áo chuỗi ngọc Anh Lạc ra để cùng với người múa men, đùa giỡn”.

Vô tự liền tâu việc này lên nhà vua, biết vua sẽ trọng dụng lời nói của mình. Như thế tạo ra kế sách kết hợp ca vũ, con khỉ bèn lục tục đem áo, chuỗi ngọc đến chỗ sân, mới biết cả năm người không lấy trộm áo, chuỗi ngọc, thì ra con khỉ chính là thủ phạm ăn trộm. Nhà vua hỏi Vô Tự:

Con khỉ là kẻ trộm, còn Thái tử không lấy trộm, sao người chứng biết? Vô Tự tâu:

Vì Thái Tử là chánh đích của Đại Vương, Được đại vương trọng dụng, sủng ái, nếu Thái tử kia vô tội, thì Vô Tự lẽ ra cũng không có tội. Nếu không dẫn chứng Thái tử thì từ rày về sau, sẽ không khỏi bị mất mạng. Cho nên dẫn Thái tử.

Còn dẫn Đại thần thì sao? Vua hỏi, Vô Tự tâu:

Muôn tâu Đại vương! Vị đại thần là người được vua kính trọng, các quan tôn quý là những người làm nghiêng nước, sang, hèn, có ý giúp đỡ đại vương, nên được vô tội và tôi cũng vô tội.

Dẫn chứng người buôn bán là sao? Vua hỏi: Vô Tự tâu:

Tâu đại vương! Chủ đi buôn có nhiều vàng bạc, báu vật lạ, thoát khỏi được do chuộc mạng, thì tôi lẽ ra cũng được khỏi.

Dẫn chứng gái dâm là sao? Vua hỏi. Vô Tự đáp:

Tâu đại vương! Cô gái dâm, diện mạo xinh đẹp đặc biệt, có nhiều người cùng đi qua lại chung, thoát khỏi, sẽ có trí tư duy; suy lường kế của người ngoài. Thoát ra sẽ bắt được kẻ trộm, thì tôi cũng vô tội.

Nhà vua biết Vô tự là người có trí, rất yêu mến trọng dụng, nên thường cho hầu cận mình.

Về sau, nhà vua lên núi đi săn, thấy bầy nai đang cắm đầu chạy, vì bị ngựa rượt đuổi theo, bọn chúng bị thất lạc, chỉ cùng Vô Tự, hai người theo nhau. Lúc bấy giờ, vì quá mệt mỏi, nhà vua dừng lại nghỉ ngơi dưới tán cây. Vô Tự ngồi ôm làm gối đỡ đầu vua. Lúc đó, vua ngủ say không tự hay biết. Lúc bấy giờ, Vô Tự cơn giận nổi lên trong lòng, rút gươm ra toan giết vua, thù cha ta, nay được dịp thuận tiện này, rất khó có thể dung thứ. Vô Tự lại nghĩ: “Trước phút qua đời, cha ta đã có lời di chúc dạy ta: “Nếu không báo oán thì mới thật là con ta, nay, nếu ta trả thù thì sẽ trái với ý của cha, không phải là đứa con có hiếu”, nghĩ đoạn liền tra kiếm vào vỏ”.

Nhà vua tỉnh giấc, nói với Vô Tự rằng: “Ta vừa nằm mộng, thấy một mình Trường Ma-Nạp, Vương tử của vua Trường sinh, đang dùng kiếm đến tìm ta” Vô Tự tâu:

Tâu Đại vương! Con của Trường Sinh, từ lâu đã thành tro đất rồi, hiện giờ đang ở trong núi sâu, chỉ có hai người ta, đâu có Trường Sinh, Vương tử?

Vua lại ngủ yên. Vô Tự lại dùng gươm bén đâm vua, kinh hãi, vua tỉnh giấc như trước. Nhà vua lại ngủ tiếp. Vô Tự lấy tay vén tóc trên đầu vua, hỏi vua rằng: “Trường Ma-Nạp là ta đây! Ông đã giết cha tôi ta là mối thù của tôi. Nay tôi gặp ông, ấy là do phần chết? Vua nói: “Xưa ta vốn giết cha người, nay chết ta không ân hận”. Ma-Nạp tâu vua:

Tâu Đại vương! Cha ta trước phút qua đời đã có dạy ta. Nay, nếu giết ông thì sẽ trái với ý nguyện của cha ta, không phải con có hiếu, ta không giết vua, khiến vua tự biết. Nói xong, Vô Tự đỡ vua lên ngựa, cùng trở về cung. Đến cung rồi, vua triệu tập các quan, nói rằng:

Nay bắt được Vương tử của Trường Sinh, phải giết hay là là thưởng? Các quan đều nói: “Đứa con mất nước, không thể thưởng, chỉ phải giết thôi”.

Vua nói: “Không đúng, rồi nói cụ thể sự tình trước kia, liền đưa con gái, vợ đến để làm chúa của bốn quốc; nhà vua tự trở về nước xưa. Hai nước thông giao tốt đẹp, không chinh phạt nhau nữa”.

Người tu hạnh Bồ-tát, oán thân bình đẳng, thù cha vẫn còn xả bỏ, huống chi oán thù khác. Tâm Bồ-tát rộng như núi, biển. Nếu có thể chấp nhận vô lượng môn đồ tập mất các việc ác, thì nên quán như thế này: “Bồ-tát hòa ánh sáng, tạo ra cõi nước này và quan, dân khắp thực hành mười điều lành, tích cực cứu khổ u đồ, hướng về tướng từ bi, như cha, như con, như anh, như em, nhu hòa, nhẫn nhục, đều phát tâm Bồ-đề. Giới thiện tự ở hạnh kia thanh tịnh. Đó gọi là Bồ-tát phát ý cho là đều lợi ích, đức đại nhẫn nhục có thể dẹp bỏ phiền não”.

### ***11- Môn người tại gia chỉ bảo lẫn nhau:***

Kinh Ưu-bà-tắc Giới chép: “Này người Thiện nam! Thuở xưa ta sinh vào nhà tà kiến; hoặc bữa lười việc lành của ta. Lúc bấy giờ, ta tên Quảng Lợi, vợ tên Nữ, tinh tấn, mạnh mẽ, độ thoát vô lượng, dùng mười điều lành để dẫn dắt hóa độ. Khi ấy, ta ưa đi săn, giết hại, tham vui rượu thịt, trể nãi, lười biếng, không thể tinh tấn. Bấy giờ vợ ta nói với ta: “Đừng đi săn, giết hại nữa”. Ta bèn giữ giới không uống rượu, ăn thịt, siêng năng tinh tấn, được thoát khỏi tai họa khổ não của địa ngục, cùng sinh lên cõi trời với vợ ta. Lúc bấy giờ, tâm sát của ta không dứt, vị ngon của rượu thịt không thể cắt bỏ, tâm tinh tấn biếng nhác không tiến tới. Ý thôi dứt của cõi trời, thọ phần địa ngục. Bấy giờ, ta đang cư trú trong thôn xóm, gần tăng-già-lam, thường nghe tiếng kiền-chùy, vợ nói với ta: “Mỗi việc không thể nghe tiếng kiền-chùy, mà phải ba lần búng móng tay, một lần xưng niệm danh hiệu Phật; thúc liễm thân, tự cung kính, chớ sinh kiêu hãnh, ngạo mạn, như nửa đêm của người kia, pháp này chớ bỏ”.

Ta không chịu nghe lời, lại bỏ mất, trải qua mười hai năm, người vợ kia qua đời, sinh lên cõi trời Đao-lợi. Ba năm sau, ta cũng hết tuổi thọ, trải qua đến sự đoạn, phán quyết ta có tội, hưởng đến cổng địa

ngục, khi sắp vào cổng, thì nghe ba tiếng chung, lập tức ta dừng lại, tâm sinh vui mừng, yêu thích không nhàm chán; như pháp ba lần búng ngón tay, xướng danh hiệu Phật một hơi dài, từng tiếng đều từ bi, âm phạm sáng suốt, chủ sự nghe xong, tâm rất hồ thẹn, đối với vị Bồ-tát chân chánh này sao lại phán quyết lầm? Liên sai đuổi theo tiến lên cõi trời. Đã đến rồi, năm thể gieo sát đất, lễ kính vợ ta mà bạch rằng: “Đại sư, hân hạnh nhờ ơn lớn, được cứu vớt cho đến Bồ-đề, không trái với lời răn dạy. Do đây nên làm thầy lẫn nhau, đều được quả lớn. Các ông hãy nghe cho chắc thật, tin nhận vâng làm.

### **12- Môn cúng dường:**

Kinh Ưu-bà-tắc Giới quyển 44 chép: “Bồ-tát có mười thứ cúng dường”:

- 1- Cúng dường thiết-lợi-la
- 2- Cúng dường chế đa
- 3- Cúng dường hiện tiền
- 4- Cúng dường không hiện tiền
- 5- Tự làm cúng dường
- 6- Dạy người cúng dường
- 7- Tài vật kính trọng cúng dường
- 8- Cúng dường rộng lớn
- 9- Cúng dường vô nhiễm
- 10- Cúng dường chánh hạnh.

Sáu thứ ý lạc tăng thượng do Như Lai phát khởi:

- 1- Ý lạc tăng thượng của ruộng Đại công đức Vô thượng.
- 2- Vô thượng có ơn đức lớn.
- 3- Tôn quý trọng tất cả hữu tình.
- 4- Như Diệu hoa Ổ-Đàm, rất khó được gặp.
- 5- Xuất hiện độc nhất.
- 6- Tất cả công đức viên mãn của thế gian, xuất thế gian, tất cả nghĩa đều y cứ vào ý lạc tăng thượng.

Theo luận Đại Trang Nghiêm có tám thứ cúng dường Như Lai:

- 1- Nương tựa cúng dường.
- 2- Vật
- 3- Duyên khởi.
- 4- Hồi hướng
- 5- Nhân
- 6- Trí

7- Ruộng

8- Y chỉ

Tụng rằng:

*“Hiện tiền, không hiện tiền  
Y phục, uống ăn thấy  
Khởi sâu tâm thiện tịnh  
Vì đây đủ hai nhóm.  
Thường nguyện sinh đời Phật  
Ba luân không phân biệt  
Thành thực các chúng sinh  
Mười một thứ sau cuối”.*

Hiện tiền, không hiện tiền. Nghĩa là y chỉ cúng dường, y chỉ chư Phật đời hiện tại và quá khứ, vị lai mà cúng dường.

Y phục, uống ăn, v.v... Nghĩa là vật cúng dường, dùng y phục, v.v... mà cúng dường.

Khởi sâu tâm thiện tịnh: Nghĩa là cúng dường duyên khởi, dùng tâm tịnh sâu mà cúng dường.

Vì đây khắp hai nhóm: Nghĩa là cúng dường hồi hướng. Vì mãn hai thứ phước, trí mà cúng dường.

Thường nguyện sinh ở đời có Phật. Nghĩa là nhân cúng dường, do có nguyện đời trước, nguyện sẽ được sinh ra đời có Phật, khiến ta có ích, vì cúng không giả dối.

Ba luân không phân biệt. Nghĩa là cúng dường trí bày ba việc: Cúng, thọ cúng, phẩm vật cúng, không thật có.

Thành thực các chúng sinh. Nghĩa là cúng dường ruộng phước; chúng sinh là ruộng, giáo là cúng dường kia, vì khiến gieo trồng gốc lành.

Mười một thứ sau cuối: nghĩa là cúng dường y chỉ. Cúng dường này có mười một thứ:

1- Y chỉ vật, vì y chỉ tài vật mà cúng dường.

2- Y chỉ suy nghĩ: do y chỉ tư duy vị; tư duy tùy hỷ; tư duy hy vọng.

3- Y chỉ tín, vì tin Đại thừa nên phát tâm Bồ-đề.

4- Nguyện: Vì phát thệ nguyện rộng.

5- Y chỉ bi: vì thương xót chúng sinh.

6- Y chỉ nhẫn: vì khó làm mà làm được.

7- Y chỉ hạnh, vì các Ba-la-mật.

8- Y chỉ chánh niệm, vì đúng như pháp, không điên đảo.

9- Y chỉ chánh kiến, vì đúng như thật rõ biết.

10- Y chỉ giải thoát, vì phiền não của Thịnh Văn diệt.

11- Y chỉ chân thật, vì được Đại Bồ-đề.

Năm thứ tự ý cúng dường Như Lai, nên biết cúng dường này là cúng dường trên hết. Năm thứ cúng dường là:

1- Tín thanh tịnh

2- Tâm sâu xa

3- Thần thông

4- Phương tiện

5- Hòa hợp.

Tín thanh tịnh: Đối với pháp Đại thừa, nói là xứ cúng dường, vì sinh tín thanh tịnh.

Tâm sâu: Tâm này có chín thứ:

1- Tâm vị

2- Tâm vui theo

3- Tâm hy vọng

4- Tâm không nhàm chán

5- Tâm rộng lớn

6- Tâm vui mừng

7- Tâm thắng lợi

8- Tâm không có nhiễm ô

9- Tâm thiện tịnh.

Thần thông: Nghĩa là vì y cứ vào các Tam-ma-đề của Hư Không Tạng, v.v...

Phương tiện: Vì thuộc về trí phương tiện Vô phân biệt.

Hòa hợp: Tất cả các Đại Bồ-tát hòa hợp, vì một quả nhập tất cả quả.

Kinh Văn-thù Vấn quyển thượng chép: “Có ba mươi lăm đại cúng dường, Bồ-tát ma-ha-tát này nên biết, đốt đèn, đốt hương, thoa thân, thoa đất, bột hương, Ca-sa hương và tán nhã, long tử, phướn tinh, các phướn khác, vỏ ốc, trống, trống to, linh, bàn, ca múa, kể cả giường nằm, tọa cụ. Hoặc ba tiết: lưng trống, tiết trống, tinh trống và trống tiết; hoa Mạn-đà-la, quét đất, rải đất, xỏ hoa, treo tơ lụa, cơm, nước, nước trái cây ép, có thể ăn, có thể nuốt, kể cả có thể ném vị, hương, hòa với nhành dương tân lang; tắm nước thơm xà-bông. Đó gọi là đại cúng dường”.

### **13- Môn cúng dường được lợi:**

Kinh Văn-thù Vấn quyển hạ chép: “Lúc bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các cúng dường hoa khác, dùng để chữa trị mọi chứng bệnh; hoặc tiêu trừ độc ác. Pháp ấy ra sao? Nếu cúng dường Phật bằng hoa khác, hoa Bát-nhã Ba-la-mật, hoa dưới chân Phật; hoa cây Bồ-đề; hoa nơi xoay bánh xe pháp; hoa tháp; hoa Bồ-tát; hoa chúng tăng; hoa tượng Phật; pháp kia thế nào? Đức Thế Tôn dùng hoa này có bao nhiêu thứ chú?”

Bạch Đức Thế Tôn: “Tất cả các hoa”.

Làm sao vào trong hoa Phật?.

Bạch Đức Thế Tôn: “Dùng pháp của hoa này”.

Là có một thứ hay có nhiều thứ? Chú này là có một thứ hay có nhiều thứ? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Mỗi thứ hoa, mỗi thứ chú, tất cả hoa, chú.

Tụng một trăm lễ tám biến chú hoa Phật rằng: “Nam mô Phật Thật tử trị toa ha”.

Chú Hoa Bát-nhã Ba-la-mật rằng: “Na-mạt A lô lý (dân chỉ phẫn), Ba-nhã Ba-la-mật đa duệ tóa ha.

Chú hoa chân Phật: “Na-mạt ba đà chế điểm đan diêm toa ha”.

Chú hoa cây Bồ-đề: “Nam-mô Bồ-đề, bức lực, kham lam tóa ha”.

Chú hoa chỗ xoay bánh xe pháp: “Nam-mô Đạt ma chước kha la dạ toa ha”.

Chú hoa tháp: “Na-mạt du bạt da toa ha”.

Chú hoa Bồ-tát: “Nam-mô Bồ-đề Tát đỏa dã toa ha”.

Chú hoa chúng tăng: “Na-mạc tăng già dã toa ha”.

Chú hoa tượng Phật: “Na-mạc ba la để da toa ha”.

Văn-thù-sư-lợi! Chú kinh như thế, ông phải thọ trì. Phật lại bảo Văn-thù-sư-lợi! Dùng pháp của hoa này, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nếu kính tin, tu hành, thì phải dậy sớm, tắm gội sạch sẽ, niệm công Đức Phật, cung kính hoa này, không dùng chân đạp và nhảy qua trên hoa, đứng như pháp cầm lấy, đặt yên trong đồ đựng sạch. Nếu người bị lạnh, nóng, thì dùng nước lạnh thấm lên hoa, rồi thoa nước hoa vào mình; hoặc đầu trán đau nhức, dùng nước cất để uống, thấm lên hoa, nên uống, nước hoa này. Nếu miệng bị bệnh nhọt, thì dùng nước thấm lên hoa, ngậm nước hoa này.

Nếu người nặng về giận, thì hoặc dùng nước lạnh; hoặc dùng đường cát, để thấm lên hoa này, uống nước của hoa; Nếu người nặng về tham nhiễm, dùng nước tro thấm lên hoa, thoa vào chỗ kín. Lại, dùng



nước lạnh thấm lên hoa, thoa trên đỉnh đầu mình, thì kiết tham sẽ tiêu dần, thường được tất cả mọi người kính mến.

Nếu trời mưa không tạnh, thì đến chỗ trống trải, nhẵn nhẽ, dùng lửa đốt hoa, cơn mưa liền dứt; nếu gặp phải nắng hạn, thì ở chỗ trống trải, nhẵn nhẽ dùng hoa trong nước, lại chú nước lạnh, rải trên hoa, tức thì trời mưa.

Nếu bản tánh của bò, ngựa, voi, v.v... không điều phục, thì dùng hoa uống, liền sẽ điều phục được chúng.

Nếu các quả, cây, hoa, hạt chắc không tốt tươi, thì dùng nước lạnh, phân bò, thoa, lấy nước hoa, để thoa vào rễ, không được dẫm đạp lên thì hạt hoa sẽ nhiều.

Nếu trong ruộng nhiều nước, mầm mạ bị hao hụt, giảm sút, thì giã hoa nát ra, rồi rải trên ruộng, thì sẽ được thấm nhuần lâu dài. Hoặc cao nguyên, đất liền, chỗ không có nước, thỉnh bốn vị Tỳ kheo, trải hoa lên đó, trong một ngày, tụng một trăm lễ tám biến chú. Lại, tụng một trăm lễ tám biến chú như thế cho đến bảy ngày, hễ cuốc đất lên là được nước.

Nếu ở cõi nước nhiều bệnh tật, dùng nước lạnh thấm lên hoa, thoa vào vỏ ốc, v.v... rồi thổi, đánh ra tiếng, người nghe liền lành bệnh.

Nếu nước thù địch, kẻ oán, muốn đến xâm lược biên giới, thì dùng nước thấm lên hoa, ở xứ kia, dùng nước hoa rải lên, liền được lui tan.

Nếu ở núi cao, nơi có bàn đá, nhiều chúng tỳ-kheo, thấm nước hoa lên đá; thấm hoa xong, đem lễ bái; lâu sau trên đá tự sinh châu báu.

Nếu người ngu si, thì dùng số hoa đã cúng dường có trăm thứ, dưới đến bảy thứ; giã hoa cho nát, dùng bôi tô bò, trước tụng chú một trăm lễ tám biến, vo thành viên như viên đạn to, mỗi ngày uống một viên. Khi uống viên này, cũng tụng một trăm lễ tám biến chú, dần dần sẽ được thông minh, căn cơ nhạy bén. Trong một ngày có thể dùng trăm bài kệ. Nếu người có đối tượng tạo tác, thì dùng hoa Ưu-bát-la; hoa Câu-vật-đầu; hoa Phân-đà-lợi; hoa Ưu-ba-la, v.v...

Nếu ở dưới nước, trên đất liền, sinh hoa, hoa có trăm thứ, trước dùng cúng dường, sau dùng nước thấm lên hoa, tùy thuộc đối tượng cần thiết, hoặc thoa, hoặc rải, đều có kết quả.

Nếu được trăm thứ hoa giã nát thoa, rải; hòa với nước vo thành viên. Nếu bệnh thũng dữ dùng thấm lên trên nhọt ghẻ, bệnh ấy liền hết. Nếu bị bệnh ung thư, nếu bệnh rôm, sảy, hoặc các chất độc; hoặc uống viên này; hoặc thoa lên da, bệnh liền được trừ.

Nếu người thường bệnh về khí ho, thân thể gây ốm, thì dùng nước

lúa mì to, nhỏ thắm lên hoa, xoa trên mình, liền đầy đủ, vui vẻ.

Lại nữa, dùng nước hoa Vị lợi, hòa với bột hoa vo thành viên, thoa lên trán, thì tất cả nhà oán thấy, sinh ý nghĩ yêu thích.

Văn-thù-sư-lợi! Pháp chú của hoa này như sau: Nam-mô Phật, Thạt tả dã toa ha. Na Mạt Kha Lô Lý (dâm chỉ phản). Bát nhã ba la mật đa toá ha (2). Na mạc ba đà chế điểm đăm diêm toa ha (3). Nam mô Bồ-đề bức lực kham lam toa ha (4). Nam mô Đạt ma chước kha la dạ toa ha (5). Na mạc dụ bạt na toa ha (6). Nam mô Bồ-đề tát đỏa dã toa ha (7). Na mặc Tăng già dã ha toa ha (8). Na mạc ba la đễ da toa ha (9). Mỗi chú tụng một trăm lễ tám biến. Cú chương của chú này, ở mỗi chỗ ông nên nói. Như Pháp hoa của Phật, hoa khác cũng như thế.

#### **14- Môn trị chương:**

Du-già quyển 79 chép: “Bồ-tát lược có bốn chương phẩm thượng. Nếu bất tịnh loại trừ, sau cùng không có khả năng nhập địa Bồ-tát và địa dần dần. Bốn chương đó là:

- 1- Đối với Tỳ-nại-da của các Bồ-tát, khởi phạm ô nhiễm.
- 2- Chê bai Đại thừa, tương ứng với pháp mâu.
- 3- Chưa chứa nhóm gốc lành.
- 4- Có tâm nhiễm ái.

Vì trị bốn chương này:

- 1- Khấp chỗ chư Phật, Như Lai ở mười phương, tâm sâu, tha thiết trách cứ mình, phát lồ sám hối.
- 2- Khấp vì lợi ích tất cả các loài hữu tình mười phương, khuyến thỉnh tất cả Như Lai nói pháp.
- 3- Tất cả công đức của khấp tất cả hữu tình mười phương đều sinh tùy hỷ.
- 4- Tất cả gốc lành đã sinh khởi, đều hồi hướng về A-Nậu-Bồ-đề.

#### **15- Môn hơn kém:**

Luận Di-lặc Ván kinh quyển 2 chép: “Bồ-tát ma-ha-tát có năm pháp vượt hơn mười nghiệp đạo thiện của Thinh văn”:

- 1- Chuyên tâm tu hành, vì cuối cùng không lìa tâm một vị.
- 2- Thường tu hành không dứt bỏ, không thôi nghỉ.
- 3- Vì yên ổn thân mình, vì thân mình nhận lấy thân người, trời. Nhận lấy sự yên ổn của người, trời và Đại Bồ-tát.
- 4- Vì yên ổn thân người; vì yên ổn cho tất cả chúng sinh, cuối cùng, hồi hướng về Đại Bồ-đề.

5- Khéo thanh tịnh lại có bảy thứ:

1- Vì không phá, nên tu trị phần ít gọi là phá, tu trị đầy đủ gọi là không phá.

2- Không điểm, không tự tu hành, vì bảo người khác tu hành, nên gọi là điểm: Bồ-tát tự thực hành, dạy người tu hành, nên gọi là không điểm.

3- Không ô: Tự mình không tu hành, không bảo người khác tu, vì nhận thấy người khác tu hành mà tâm tùy hỷ, nên gọi là ô, cho nên Bồ-tát tu hành đầy đủ, gọi là không ô.

4- Không bị lệ thuộc: Chủ yếu dựa vào trí người khác, mới có thể tu hành, nên gọi là lệ thuộc. Cho nên, Bồ-tát vì không dựa vào trí người khác mà vẫn có thể tu hành, nên gọi là không bị lệ thuộc.

5- Rốt ráo thiện. Chuyên niệm dục tâm cuối cùng, v.v... gọi rốt ráo thiện.

6- Không ăn: Hồi hướng ở hữu, vì nhận lấy hữu để giúp đỡ sự sống, nên gọi là ăn. Cho nên, Bồ-tát vì không nhận lấy hữu, nên gọi là không ăn.

7- Người trí khen ngợi; bỏ Nhị thừa, hồi hướng thế gian, bỏ Đại thừa, hồi hướng Tiểu thừa, gọi là người trí không khen ngợi.

Cho nên, Bồ-tát đối với Nhị thừa, không hồi hướng thế gian; Đối với Đại thừa không hồi hướng Nhị thừa, gọi là được người trí ngợi khen, nên biết Bồ-tát có năm thứ pháp, tu hành mười nghiệp đạo lành, sẽ vượt qua thế gian.

1- Nguyên: Bồ-tát từ mới phát tâm, cho đến đạo tràng, thường vì tất cả thế gian, người, trời mà làm ruộng phước, vượt hơn các Nhị thừa.

2- Yên ổn: Bồ-tát tu hành dù vì thế gian bị ép ngặt cùng cực khổ sở; nhưng vẫn không bỏ Bồ-đề, vì thường chuyên tâm tu hành.

3- Tâm sâu: Vì tâm tu hành trên hết, do tâm ái rất sâu của các Bồ-tát, tu hành mười điều lành.

4- Thiện thanh tịnh: Vì Bồ-tát có ba thứ thanh tịnh, thực hành mười nghiệp lành.

5- Phương tiện: Bồ-tát ở trong pháp nào? Dùng những phương tiện nào để tu hành mười điều lành?

Lại có năm pháp, nên tu hành vô lượng mười điều lành. Năm pháp đó là:

1- Vô lượng đời: Vì dùng vô lượng thời gian để tu hành.

2- Vô lượng pháp lành. Vì dùng vô lượng pháp lành kia, nên Bồ-

tát khởi vô lượng đạo nghiệp lành, nhóm họp tất cả công đức, vì khiến sinh thọ dụng.

3- Vô lượng quán: Vì vô lượng chúng sinh quán, chẳng phải hữu lượng chúng sinh.

4- Vô lượng tận: Vì như Trưởng giả giàu có, của cải vô lượng, là người xả lớn, là người đại từ, người thực hành đại bi, người thương chủ vĩ đại, vì thương xót tất cả chúng sinh. Người tu hành, người tâm không lui sụt, khởi tâm như thế, ta có thể cho tất cả vô lượng, vô biên chúng sinh niềm vui yên ổn. Bồ-tát cũng thực hành trụ tâm sâu, vì các chúng sinh trụ tâm yên ổn, khởi tâm đại tinh tấn, nghĩ như vậy: “Ta sẽ giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh khổ não, đều an trí trong Niết-bàn. Cho nên Bồ-tát tu hành vô tận”.

5- Vô lượng hồi hướng: Dùng mười vô tận, vô lượng để tu hành mười nghiệp lành, cũng lại vô lượng hồi hướng như trước, nên Bồ-tát tu hành tất cả mười nghiệp lành, quả cũng lại vô lượng gọi là vô lượng hồi hướng.

### **16- Môn bạn lành:**

1- Tương bạn lành. Bồ-tát địa quyển 44 chép: “Phải biết rằng Bồ-tát thành tựu tám chi, có khả năng làm viên mãn mọi tướng của bạn lành”.

2- Trụ giới: Đối với các luật nghi, không có xuyên thủng, không có thiếu sót.

3- Học rộng. Giác tuệ thành tựu.

4- Chứng đủ, được tu mà thành, tùy theo bất cứ một việc tốt đẹp nào, bằng với chỉ, quán.

4- Thương xót. Nội tại đủ từ bi, xả hiện pháp lạc trụ của bản thân mình, tinh tấn, siêng năng, không có lười biếng, lợi ích cho người.

5- Vô úy. Khi giảng nói chánh pháp cho người khác nghe, không phải do e sợ mà quên mất sự nghĩ nhớ, giải thích.

6- Kham nhẫn: Đối với người khác dùng lời thô bỉ, cười chế nhạo, chơi giỡn vấy vọc, sự chống trái, v.v... mọi hành vi ác, với lối nói không đáng yêu, đều có thể nhẫn.

7- Không có mỗi mệt. Sức người khi sung mãn, mạnh khỏe, thường hay suy nghĩ, lựa chọn, ở trước chúng nói pháp, lời nói không có chậm chạp, tâm không mỗi mệt nhằm chán.

8- Lời nói tốt đẹp, đủ pháp tánh không hư hoại, viên mãn. Lời nói giải thích rõ:

Đối tượng tạo tác của bạn lành: Bồ-tát Địa nói: “Nếu các Bồ-tát có đủ năm tướng, tương ứng với mọi đức, thì có khả năng làm bạn lành, việc làm không giả dối”.

1- Đối với người khác, trước muốn cầu tạo ra lợi ích yên vui cho họ.

2- Đối với lợi ích yên vui kia, biết rõ như thật, biết rõ không có điên đảo.

3- Đối với hữu tình kia, khéo quyền phương tiện, thuận với cơ nghi nói pháp, thuận theo chúng sinh kham thọ trong sự điều phục, có năng lực.

4- Tâm lợi ích không nhằm chán, mỗi một.

5- Đây đủ đại bi bình đẳng. Đối với phẩm hơn trong kém của các hữu tình, tâm không nghiêng lệch bề đẳng.

Nếu các Bồ-tát thành tựu năm tướng, khiến cho tánh của bạn lành, làm chỗ nương tựa, tin tưởng, sao cho người khác nghe xa, tích cực sinh kính tin thanh tịnh, hướng chi đích thân thấy.

1- Thắng diệu, oai nghi viên mãn, vắng lặng, đầy đủ tất cả chi phần, đều không có cử chỉ thô bạo.

2- Đôn hậu, nghiêm nghị, hiện hành của ba nghiệp không trạo cử, không có nhiễu loạn.

3- Không có rối loạn: không vì lừa dối người, mà tư duy, hiện oai nghi nghiêm chỉnh giả dối.

4- Không có ganh tỵ, cuối cùng không thể không chịu được khi thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, mà thường thỉnh nói, về sau khuyên bảo người kia bố thí, cung kính sinh tâm nịnh bợ giả dối. Thấy người kia nói pháp và được lợi dưỡng, cung kính, sinh tùy hỷ sâu, như chính mình được.

5- Tiết kiệm, ước lược: tùy thuận xả.

Về bạn lành, Bồ-tát do năm thứ tướng đối với sự đã hóa sinh làm bạn lành.

1- Có khả năng can ngăn, nêu ra.

2- Có khả năng khiến cho nhớ nghĩ.

3- Có khả năng dạy bảo truyền trao.

4- Có khả năng răn nhắc.

5- Có khả năng dạy bảo nói pháp.

Phải biết Bồ-tát do bốn tướng, mới được gần gũi bạn lành một cách viên mãn; bốn tướng là:

1- Đối với bạn lành bị bệnh, không bị bệnh thuận theo thời tiết,

cung cấp, hầu hạ, thường phát khởi ái kính, tinh tín.

2- Đối với bạn lành, lúc nào cũng thăm hỏi lễ bái, kính mến, chấp tay, ân cần tu nghiệp hòa kính mà vì cúng dường.

3- Đối với bạn lành, như pháp y phục, uống ăn, giường nằm tọa cụ, duyên bệnh, thuốc thang, mọi thứ lật vật giúp đỡ tự thân, cúng dường đúng lúc.

4- Đối với bạn lành, hoặc chánh y chỉ đối với nghĩa đúng như pháp, hoặc hợp, hoặc lìa, tùy chuyển tự tại, không có nghiêng động, như thật phát rõ, tạo ra tâm phụng giáo, thuận theo thời điểm qua đến, cung kính hầu hạ, thưa hỏi nghe nhận.

Theo kinh Pháp Cú chép: “Lúc bấy giờ, Bồ-tát Bảo Minh bạch Phật rằng: “Thiện tri thức, nghĩa là người khéo hiểu pháp sâu xa: Không vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt; có biết các pháp từ xưa đến nay, rốt ráo bình đẳng, không có nghiệp, không có báo, không có nhân, không có quả, tánh tướng như như, trụ ở mé thật. Đối với rốt ráo không rõ ràng kiến lập là thiện tri thức, nêu dụ để biểu thị rõ công năng. Kinh Pháp Cú chép: “Người thiện nam, bậc thiện tri thức là cha, mẹ của ông, nuôi nấng, giáo dục thân Bồ-đề của các ông. Người thiện tri thức là mắt của ông, bảo cho biết, dẫn đường Bồ-đề cho các ông (dưới lược không nói đủ thiện tri thức, y cứ theo đây) là đôi chân của ông, vì gánh vác các ông lìa sinh tử; là thêm thang của ông, nâng đỡ, gìn giữ các ông đến bờ bên kia; là thức uống ăn của ông, khiến cho pháp thân của các ông thêm lớn; là chiếc áo báu của ông, che mát thân công đức của các ông; là cây cầu chuyên chở các ông vượt qua biển hữu; là vật báu của ông, dẫn dắt các ông lìa khổ tham; là mặt trời, mặt trăng của ông, vì soi sáng cho các ông lìa xa bóng tối; là thân mạng của ông vì che chở thân mạng của các ông, không có lúc nào sợ hãi; là áo giáp, gậy sắt của ông, vì hàng phục các ma được vô úy; là sợi dây buộc, kéo rút các ông lìa khỏi địa ngục; là thuốc hay của ông, vì trị liệu chứng bệnh phiền não của các ông; là con dao bén vì cắt đứt các lưới ái của các ông; là cơn mưa của ông vì thấm nhuần, ngấm tẩm mộng Bồ-đề của các ông; là ngọn đèn sáng của ông, năng phá tan năm cái tối tăm của các ông; là cờ nêu tốt lành của các ông, vì bảo cho các ông biết thu hưởng chánh đạo; là lửa, củi của ông; vì thành thực thức ăn Niết-bàn của các ông; là cung tên, của ông, vì bắn giết giặc phiền não của các ông; là vị tướng có sức mạnh của ông, vì phá được quân sinh tử của các ông; là Như Lai của ông, vì phá tan phiền não của ông để đến Niết-bàn.

Nay người thiện nam! Bậc thiện tri thức có vô lượng công đức như

thế, cho nên nay ta bảo ông nên gần gũi”.

Lúc bấy giờ, Bảo Minh và các đại chúng nghe Đức Phật nói pháp mầu nhiệm này và các câu quan trọng về Thiện tri thức, đều cất tiếng than khóc, rơi lệ như mưa, tiếng kêu khóc thật buồn bã, áo não, không thể tự kiềm chế, tự nghĩ: “Thân ta từ nhiều kiếp đến nay, vì đã được các bậc thiện tri, thức chở che, gìn giữ, nên ngày nay mới may mắn gặp được đức Như Lai, được nghe pháp sâu xa”.

Sự hội ngộ như thế, chính là nhờ ở oai lực của bậc Thiện tri thức, chứ chẳng phải do năng lực của ta. Và tự nghĩ: “Chúng ta từ xưa đến nay, chưa từng báo đáp ơn sâu, hay dùng phương tiện để được gần gũi các bậc thiện tri thức!”.

Nghĩ đoạn, lại nói rằng: “Đại văn của tri thức đồng với Du-già. Kinh Thi-Ca-La-Việt lục hướng báii chép: “Ác tri thức có bốn thứ”.

1- Bên trong có tâm oán thù; bề ngoài gượng làm tri thức.

2- Ở trước mặt người thì nói lời tốt đẹp; sau lưng người lại nói lời xấu ác.

3- Khi có việc khẩn cấp, ở trước người, tỏ vẻ lo lắng, âu sầu; sau lưng lại vui mừng.

4- Bề ngoài, xem như thân thiện, đôn hậu; nhưng bên trong lại nhen nhúm khởi lên mưu mô thù oán.

Bực thiện tri thức cũng có bốn chúng:

1- Bề ngoài trông như kẻ thù oán, nhưng bên trong có ý đôn hậu.

2- Ở trước mặt người, can ngăn thẳng thừng; bề ngoài, nói việc tốt lành của người.

3- Quan huyện bị ốm đau, vì họ lo giải quyết việc kiện tụng.

4- Thấy người nghèo nàn, không bỏ, thường hay nghĩ ngợi, tìm cách đem lại cho họ niềm vui mừng, giàu có.

Ác tri thức lại có bốn thứ:

1- Khó can ngăn chỉ dạy làm việc lành, nên theo với kẻ gian ác.

2- Dạy bảo thì chớ, ưa kết bạn với người nghiện rượu, nên hay bám sát với người ham uống rượu.

3- Bảo phải tự bảo thủ; còn việc ích lợi, thì lại có nhiều việc.

4- Bảo làm bạn với người Hiền, nên tỏ ra trọng hậu với người học rộng.

Thiện tri thức lại có bốn chúng:

1- Thấy người nghèo cùng, thường muốn giúp sửa sang cuộc sống cho họ.

2- Không tranh cãi, suy lường, tính toán.

3- Hằng ngày, có tin tức qua lại với họ.

4- Khi ngồi thường nghĩ nhớ nhau.

Thiện tri thức lại có bốn loại:

1- Người nghèo bị quan lại bắt, đem về nhà che giấu, để về sau mới giải quyết.

2- Người nghèo khổ bị bệnh gầy ốm, đem về nuôi nấng, chăm sóc.

3- Tri thức mất, lo áo quan, tẩm liệm trông coi.

4- Sau khi tri thức qua đời, thường nghĩ nhớ đến nhà cửa.

Thiện trí thức lại có bốn loại:

1- Muốn sự tranh chấp chấm dứt.

2- Muốn theo sát ác tri thức, nhằm can ngăn chấm dứt các việc làm ác.

3- Không muốn sửa trị sự sống, khuyên ác tri thức hãy tự sửa đổi đời sống của họ.

4- Không thích trải qua đạo, dạy họ hãy tin tưởng, vui mừng.

Ác tri thức lại có bốn loại:

1- Người hơi xâm phạm đã rất tức giận.

2- Lúc có việc khẩn cấp, thỉnh sử không chịu đi.

3- Khi thấy người có việc khẩn cấp, thì tránh người mà đi.

4- Thấy người chết, bỏ không nhìn tới.

Đức Phật nói: “Người lựa chọn điều lành kia thì theo họ; kẻ ác thì tránh xa họ. Vì ta và thiện tri thức theo nhau, nên tự suy cho cùng được Phật”.

### ***17- Môn nhiều hạnh lẫn lộn:***

Con phụng sự cha, mẹ sẽ có năm việc:

1- Phải nghĩ nhớ sửa sang sự sống.

2- Dậy sớm, dạy bảo tội tử về giờ giấc nấu cơm ăn.

3- Không để cha mẹ phải lo lắng thêm.

4- Phải nghĩ nhớ đến công ơn cha, mẹ.

5- Cha mẹ ốm đau, phải lo tìm thầy thuốc thang chữa trị.

Cha mẹ chăm sóc con, cũng có năm việc:

1- Phải dạy con bỏ ác, làm lành.

2- Nên dạy tính toán, học sách, vở.

3- Phải dạy vâng giữ kinh giới.

4- Nên cưới vợ cho con đúng lúc.

5- Tất cả tài vật trong nhà, phải cho chúng nó.



Học trò phụng sự thầy, nên có năm việc:

- 1- Nên kính trọng, khen ngợi thầy.
- 2- Nên nhớ ơn thầy.
- 3- Thường vâng theo lời thầy dạy.
- 4- Lo nghĩ không chán.
- 5- Về sau, nên khen ngợi thầy.

Thầy dạy học trò cũng có năm việc:

- 1- Nên bảo cho học trò hiểu biết một cách nhanh chóng.
- 2- Phải làm cho học trò mình vượt hơn học trò người.
- 3- Muốn cho sự hiểu biết của học trò mình không quên.
- 4- Các nghi ngờ, thưa hỏi, đều giải quyết thỏa đáng cho học trò mình.

5- Muốn cho trí của đệ tử vượt hơn thầy.

Vợ thờ chồng, có năm việc:

- 1- Chồng từ ngoài đến, phải đứng dậy đón rước.
- 2- Chồng đi khỏi, không có mặt ở nhà, người vợ phải nấu nướng, quét dọn, đợi chồng về.
- 3- Không được có tâm dâm với người ngoài. Chồng có mắng nhiếc, vợ không được trả lời, nổi cơn thịnh nộ.

4- Phải vận dụng lời răn dạy của chồng; có tài vật, không được cất giấu riêng.

5- Chồng nghỉ ngơi, yên giấc, vợ mới được nằm.

Chồng chăm sóc vợ cũng có năm việc:

- 1- Ra, vào nên kính trọng vợ.
- 2- Phải cho vợ thức uống ăn, áo, quần.
- 3- Cấp cho vàng, bạc, châu ngọc.
- 4- Trong nhà có được ít nhiều, cũng đều phó thác cho vợ.
- 5- Không được có ý tà dâm, đối với người ngoài, chứa người hầu hạ.

Thân thuộc, bạn bè, nên có năm việc:

1- Thấy làm chuyện quấy ác, ở chỗ khuất, can ngăn, hiểu dụ, quở trách nên thôi.

2- Có việc khẩn cấp nhỏ, phải đến cứu giúp.

3- Có nói lén, không được vì người khác nói.

4- Phải khen kính lẫn nhau.

5- Có vậy gì tốt đẹp, ít nhiều phải chia nhau đồng đều.

Người chồng trông coi tôi tớ sai khiến cũng có năm việc:

1- Phải đúng thời cho thức uống ăn, áo quần.

- 2- Bệnh tật ốm đau, phải mời thầy thuốc chữa trị.
- 3- Không vô cớ đánh đập.
- 4- Có cửa riêng, không được đoạt lấy.
- 5- Chia vật phải bình đẳng.

Khách tới thờ phụng sự đại phu cũng có năm việc:

- 1- Phải tự dậy sớm, đừng để đại phu gọi.
- 2- Phải làm công việc, tự dùng tâm làm.
- 3- Phải biết tiếc vật của đại phu, không được vứt bỏ cho kẻ ăn mày.
- 4- Khi Đại phu ra vào, phải chào đón.
- 5- Phải ở sau, khen ngợi sự tốt lành của Đại phu; không được nói xấu Đại phu.

Người thờ Sa-môn đạo nhân, phải theo năm việc:

- 1- Dùng tâm lành hướng về Sa-môn.
- 2- Lựa lời nói tốt đẹp nói với Sa-môn.
- 3- Dùng thân kính trọng Sa-môn.
- 4- Phải thương yêu, mến mộ Sa-môn.
- 5- Bậc hùng sư trong hàng đạo nhân Sa-môn, phải luôn kính nể, thờ phụng, hỏi han việc đời. Đạo nhân Sa-môn phải dùng sáu ý trông coi phạm phu: “Dạy bảo bố thí, cho đến trí tuệ là sáu. Đạo nhân Sa-môn dạy bỏ việc ác, làm điều lành, khai thị ơn chánh đạo vĩ đại hơn ơn cha mẹ.

**- Môn hạnh của người vợ:**

Kinh Ngọc-da nói: “Phật bảo Ngọc-da! Người con gái không nên ý mình xinh đẹp, khinh dễ ngạo mạn đối với con rể. Thế nào là xinh đẹp? Bỏ tám mươi bốn thứ nhơ của thái độ bất chánh. Nhất tâm của ý quyết định, đó là xinh đẹp, không phải nhan sắc, mặt trắng, tóc năm màu là xinh đẹp”.

Trong thân người nữ có mười việc ác là:

- 1- Người con gái mới sinh rớt xuống đất, cha mẹ không vui.
- 2- Giáo dục, nuôi nấng, chăm sóc không có vị thấm nhuần.
- 3- Tâm người nữ thường sợ người.
- 4- Cha, mẹ thường lo gả chồng.
- 5- Sinh ra chia lìa với cha mẹ.
- 6- Thường sợ chồng biết, ngấm nhìn nhan sắc mình, hễ vui vẻ thì mừng, giận dữ thì sợ.
- 7- Mang thai, sinh sản rất khó.
- 8- Người nữ, lúc trẻ, bị cha mẹ kiểm soát, xem xét.

9- Trung niên, bị con rể cấm chế.

10- Tuổi già, bị con cháu quả trách.

Từ sinh ra đến chết đi, không được tự tại, đây là mười việc ác.

Phật bảo Ngọc-da:

Người vợ phụng sự mẹ chồng, và chồng có năm việc lành, ba điều ác. Năm việc lành là:

1- Làm vợ, phải ngủ muộn, dậy sớm, chải tóc năm mầu, sửa sang y phục tức khắc, lau sạch mặt mắt, chớ để như bẩn, rồi làm công việc. Trước, thưa hỏi bậc Tôn trưởng, tâm thường cung kính, hòa thuận. Nếu có thức ăn ngon ngọt, không được ăn trước.

2- Chồng có quả mắng, không được giận hờn.

3- Một lòng giữ gìn đối với chồng, không được có ý tà dâm.

4- Thường mong chồng được sống lâu.

5- Chồng có đi ra ngoài, người vợ phải sửa sang trong nhà, thường nghĩ đến sự tốt đẹp của chồng, không nghĩ đến điều xấu ác của chồng, đây là năm điều lành.

Ba điều ác là:

1- Không dùng lễ của người vợ phụng sự mẹ chồng và chồng, chỉ muốn ăn ngon, lấy ăn trước; chưa buồn ngủ, đã nằm sớm; mặt trời đã mọc, vẫn không thức dậy. Nếu chồng có quả, dạy, thì người vợ nổi giận, trợn mắt lườm chồng, lẽ ra phải chống đối, mắng nhiếc.

2- Không một lòng hướng về chồng, chỉ nghĩ nhớ trai.

3- Muốn cho chồng chết sớm, để được gả lấy chồng lần nữa, đó là ba điều ác.

Phật bảo: “Ngọc-da! Thế gian lại có bảy chúng vợ”:

1- Vợ như mẹ.

2- Như em gái.

3- Như thiện tri thức.

4- Như vợ.

5- Như tôi tớ.

6- Như kẻ thù.

7- Như đoạt mạng.

Vợ như mẹ: Nghĩ nhớ đến chồng, như bà mẹ hầu, hầu hạ chồng mình không rời, tận tâm cung cấp nuôi nấng, không mất thời gian thích nghi.

Nếu chồng đi đến, e người khinh dễ, thấy thì xót thương, nghĩ nhớ, tâm không một mối, nhằm chán, thương chồng như con.

Vợ như em gái: Hầu hạ chồng, hết lòng thành kính. Nếu như anh

em đồng khí, chia thân cốt nhục chí thân, không có hai tình. Tôn quý, thờ phụng, kính trọng họ, như em gái phụng sự anh.

Vợ của thiện tri thức: Hầu hạ chồng mình, rất thương nhớ, nương tựa, lưu luyến, không thể bỏ nhau, sự việc kín đáo riêng tư, thường bảo cho nhau biết, thấy lỗi, y chỉ quả trách, sao cho hành vi không có lỗi, khéo phụng sự, dạy bảo nhau, khiến cho lợi ích trí sáng, thân yêu nhau, muốn cho độ đời, như thiện tri thức.

Như vợ: Cúng dường đại nhân, rất đổi thành kính, thừa phụng chồng, khiêm tốn, thuận theo mệnh lệnh chồng. Sáng thức, tối ngủ; lời nói cung kính, vâng dạ, khiến cho miệng nói không có buông thả, thân hành động không có buông thả, khéo léo tìm tòi, khiêm nhường, có lỗi thì nói là do mình, giáo hóa thí cho lòng nhân, khuyến tiến tới đạo, tâm ngay thẳng, ý chuyên nhất, không nhìn ngó tà vạy, tĩnh tu tiết phụ, không bao giờ bỏ phế, tiến tới không phạm oai nghi, lùi lại không mất lễ, chỉ hòa là quý.

Như tôi tớ: Thường ôm lòng sợ giận, không dám tự ngạo mạn, ganh đua thú hưởng phụng sự, không có lẫn tránh, tâm thường khiêm nhường, cung kính, trung hiếu, tận tiết, lời nói mềm mỏng, tánh thường hòa mục, miệng không phạm lời nói tà loạn; thân không làm hành vi buông lung; trình lương, thuần nhất, chất phác, niềm tin ngay thẳng, thường tự nghiêm chỉnh, để lễ tự tương. Chồng nhận lấy sự may mắn không do kiêu hãnh, ngạo mạn. Nếu không tiếp gặp, không cho là oán, hoặc bị đánh đập bằng gậy, cam phạm chịu, không giận, bị mắng nhiếc yên lặng mà không căm hờn, cam tâm vui thọ, không có hai ý; khuyến tiến đến đối tượng tốt đẹp, không ganh ghét tiếng, sắc, gặp sự mong manh, cong vạy của mình, không tính cầu vụ việc ngay thẳng, tiết phụ tu, không chọn áo cơm, chuyên rờng cung kính, chỉ e không kịp. Kính phụng chồng, như tôi tớ thờ phụng Đại gia, đây là người vợ tôi tớ.

Như kẻ thù: Thấy chồng không vui, luôn thì ôm lòng giận dữ, ngày đêm suy nghĩ, muốn được chia ly, vì tâm chồng, vợ thường xuyên như khách trọ, đấu tranh không sợ lẫn tránh, đầu rối loạn, siêng năng không chịu làm, không nghĩ nhớ đến việc sửa sang nhà cửa, nuôi nấng con cái. Hoặc hành động dâm dăng, không biết hổ thẹn, trạng thái như súc chó, hủy nhục bà con. Ví như kẻ thù.

Vợ như đoạt mạng: Ngày, đêm không ngủ, tâm thâm độc luôn nhắm vào nhau, tìm phương tiện nào để được xa lìa nhau. Muốn cho chồng uống thuốc độc thì sợ người ta sẽ phát giác biết, hoặc bà con chí thân, xa gần gởi gắm chồng, ấy là tạo ra sự giận dữ, rõ ràng là chung với

giặc. Nếu đem vật báu thuê người hại chồng, hoặc sai người bên cạnh, rình rập chồng mà giết, oan uổng mạng chồng, đó là vợ đoạt mạng.

Phật bảo Ngọc-da! Năm hạng vợ lành, thì thường có danh tiếng, ngôn, hạnh có phép tắc, mọi người đều kính yêu; dòng dõi thân thuộc chín họ đều nhờ người vợ mà vinh hiển. Trời rồng, quỷ thần đều đến ủng hộ, khiến cho người chồng không chết ngang một cách oan uổng. Về sau, muôn phần sẽ được sinh trên cõi trời, cung điện bảy báu được ở tự nhiên. Khi hết tuổi sống lâu trên cõi trời, sẽ sinh xuống thế gian, được làm con cháu xinh đẹp của vua quan sang giàu, được bậc Thánh, người trí thờ phụng kính trọng; còn hai hạng vợ kia, thường có tên ác, thân hiện tại không được an ổn, thường bị bệnh bởi các quỷ, các thứ độc, ngủ, thức không yên ổn; vì mộng dữ sợ hãi; mọi điều mong muốn đều không được, phần nhiều gặp phải tai hoạn. Về sau, muôn phần, hồn phách thọ hình, sẽ đi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, lần lượt chuyển sang ba đường, nhiều kiếp không ra khỏi.

KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM QUYỂN TRUNG  
(HẾT)